

LONG THƯ TỊNH ĐỘ

Tác Giả : Vương Nhật Hữu

QUY TẮC TU HỌC CỦA ẤN QUANG ĐẠI SƯ

Bết luËn lụ ng-êi tu t' i gia hay xuËt gia, cçn ph¶i trªn kÝnh d-íi h µ, nh!n nh" c #i\$u ng-êi kh% c kh& nh!n, lụ' nh(ng)i* c ' µ ng-êi kh% c kh& lụ' , thay ng-êi lụ' nh(ng)i* c c+c nh, c, thụnh t µn ch ng-êi lụ)i* c t-t #. p/

Ohi t1nh t ' 1 th-êng ngh1 #2n #i\$u l3i c4a ' 5nh/ 67c nhµn #µ' #8ng 9µn #2n #i\$u :ai tr%i c4a ng-êi/ 67c #i, #; ng, n<' , ng=i, >n, ' ?c, t8 :%ng #2n t-i, t8 t-i #2n :%ng, ch@ni*' A Bi Cµ DhËt khEng gi% n # ' 1n, h ?c ni*' t , h ?c nh nhF, h ?c ni*' thÇ' /

Gg µi)i* c ni*' DhËt, #8ng dËy khHi ' It ni*' nµ kh%/ G2u khHi), ng ni*' , ph¶i t; c thêi 9F ngay/ Jh-êng c& lKng hL th.n)µ tM' :%' h-i/ G2u #N tu tr5, ph¶i t+ hi0u lụ cEng phu)!n cKn nEng c' 1n, chPng nªn t+ kiªu c>ng, kh a tr-Qng, ch@nªn ch>' :&c)i* c nhµ ' 5nh, #8ng nªn dÝnh)µ)i* c nhµ ng-êi/ Rh@nªn nh5n #2n nh(ng h5nh ¶nh t-t #. p, #8ng #0 ' St tíi h5nh ¶nh xËu xa 9' i h ' 1i/ TNy c i ' , i ng-êi lụ B= J%t, cKn ta ch@lụ kU phµ' phu/

G2u Vu¶ c& th0 tu hµnh #-Wc nh- nh(ng #i\$u k0 trªn, th5 nhËt #Xnh #-Wc :inh)\$ JMy Dh-Qng R+c 6' c Jh2 Yíi/

MỤC LỤC

Thay lời tựa.....	Z
Quyển 1: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	21
Quyển 2: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	59
Quyển 3: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	73
Quyển 4: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	93
Quyển 5: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	111
Quyển 6: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	148
Quyển 7: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	190
Quyển 8: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	200
Quyển 9: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	210
Quyển 10: CHÚC QUỐC HỌC TẤN SĨ.....	238

Thay Lời Tựa

Nói về đạo, thì không có đạo nào lớn bằng đạo Phật. Nói về lý, thì không có lý nào thâm cho bằng lý Phật. Còn nói về tu, thì không tu nào dễ cho bằng tu Phật.

Người thế gian chỉ biết đạo lý của Phật khó hiểu chớ không biết pháp môn của Phật dễ tu, nghe nói Đức Phật Thích Ca tu nhiều kiếp mới thành, lại cho là khó, mà ít ai dám tu Phật.

Thù bất tri, pháp của Ngài tự tu rất khó, mà pháp dạy chúng sinh tu thì lại rất dễ.

Nguyên Đức Thích Ca trước khi Ngài chưa tu, thì Ngài cũng là một cá nhân ở trong cõi sinh tử như ta vậy. Cũng có nhiều kiếp hưởng phúc mà sinh làm Trời, làm Tiên, làm Người, làm A Tu La và cũng có nhiều kiếp thọ tội mà đọa vào đường địa ngục, đường ngạ quỷ và đường súc sinh, lăn lộn biết bao nhiêu kiếp, thay đổi biết là mấy thân, khổ sướng nhục vinh không phương xiết kể.

Đến khi Ngài đầu thai làm con của vua Tịnh Phạn Đầu Đà Na, thì Ngài chợt nghĩ sự đời, tỉnh cơn mộng寐, biết hồng trần là cuộc giả dối, góm thân thể là vật nhớp nhơ, chán mùi danh lợi, bỏ phú quý mà đi tu, nghe có thầy thuyết pháp ở xứ nào cũng đến nghe và hay tin có thầy giảng đạo ở nước nào thì cũng tới học. Đó là cái phương châm xu hướng của Ngài.

Còn đến như pháp môn của Ngài tu hành, thì chỉ có pháp khó, chớ chưa có pháp dễ như pháp môn Tịnh độ.

Vì cõi Tịnh độ do nơi bản nguyện của Phật A Di Đà sáng lập, mà Phật A Di Đà gốc là đồng tu với Ngài một lượt. Khi Ngài chưa thành Phật, thì Đức A Di Đà cũng chưa thành Phật. (Hồi kiếp vô lượng quá khứ trở về trước, có một thuở Đức A Di Đà và Đức Thích Ca đồng tu một lượt. Lúc Vô Trách Nhiệm tức là tiền thân của Đức A Di Đà làm vua, thì Ngài kết bạn rất thân mật với một vị đại thần tên là Bảo Hải, tức là tiền thân của Đức Thích Ca. Khi ấy có Phật Bảo Tạng ra đời mà hóa độ chúng sinh, hai vị đồng tới chỗ của Phật Bảo Tạng mà phát Bồ đề tâm. Vua Vô Trách Nhiệm nguyện rằng : Tôi nguyện tu pháp Đại thừa ứng hóa về Tịnh độ, chớ chẳng nguyện về cõi Uế độ. Nếu tôi chứng đặng bậc Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thì tôi nguyện độ chúng sinh trong cõi Tịnh độ không có mọi điều khổ não. Bằng chẳng đặng như vậy, thì tôi thề không thành Phật. Còn ông đại thần Bảo Hải thì nguyện ứng hóa nơi cõi Uế độ tức là cõi Ta bà này, mà độ những chúng hữu tình).

Nếu Đức A Di Đà chưa thành Phật, thì làm sao có Tịnh độ. Bởi chưa có Tịnh độ, nên Đức Thích Ca phải tu các pháp khó như là : pháp trì giới, pháp tham thiền, pháp nhập định, và pháp chỉ quán; nếu đủ cả lục độ vạn hạnh, gồm hết chúng đức quản lý, trải không biết bao nhiêu vị thứ giai cấp, tổn không biết bao nhiêu lao khổ công phu.

Ngài tu một kiếp chưa thành, thì tu đến hai kiếp, ba kiếp cho đến trăm ngàn muôn ức kiếp, đồng mãnh tinh tấn, thề không trở lui.

Cập kỳ nhân tròn quả mãn, phần tự giác xong rồi Ngài bèn lấy Phật nhãn xem thấy cõi Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà đã mở, cảnh giới rất vui và thấy chúng sinh ở trong quốc độ Ta Bà thọ không biết bao nhiêu điều thống khổ, ra vào nhà lửa, lặn mọc sông mê, biển tình ái chìm ngay, xe luân hồi quay mãi, làm cho Ngài đau lòng xót mắt, mới tính đem chính giáo ra bố hóa mà giác ngộ cho đời. Cho nên kể từ khi Ngài thành đạo, đến lúc nhập Niết Bàn tính trước sau là bốn mươi chín năm, thì thuyết pháp hơn ba trăm hội.

Mỗi hội đều có phát minh tôn chỉ, hoặc tôn chỉ Đại thừa hoặc tôn chỉ Tiểu thừa, hoặc tôn chỉ Thiên quán, hoặc tôn chỉ Tịnh độ, bảo người nghe rồi nghĩ, nghĩ rồi tu, lý nào cũng lý tỏ tâm tánh, môn nào cũng môn thoát sinh tử, đối với chúng sinh thì không một lời gì là dối gạt, không một sự gọi là thiệt hại. Ngài chỉ sợ chúng sinh có phần nhiều không đủ căn tri, nghe không hiểu, tin không thấu, rồi sinh lòng nghi báng mà phải chịu trầm luân.

Thế thì lực tự tu của Ngài hết sức mạnh mẽ, chỗ đắc đạo của Ngài hết mực thâm diệu, nguyện độ sinh của Ngài hết mực rộng lớn.

Nếu tưởng như lịch Tổ hồi trước, sinh nhằm đời chính pháp và đời tượng pháp, thì không có ai tu như Ngài đặng,

huống chỉ đương lúc thời kỳ mạt pháp này đâu có một người nào phưởng phát. Nếu đã không phưởng phát, thì làm sao tu các pháp khó như Đức Thích Ca cho nổi, mà hy vọng cho thâu cái địa vị thành Phật.

Vì Ngài biết trước như vậy, nên trong giáo pháp của Ngài tuy nói đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn mà rốt lại thì chỉ khen có một môn Tịnh độ là phương tiện dễ dàng hơn hết.

Nếu Ngài đã khen Tịnh độ là dễ, mà Ngài lại còn nói mấy pháp khó kia ra làm chi ? Đó chẳng qua là tùy theo căn tánh của chúng sinh hoặc ưa tu pháp khó hoặc ưa tu pháp dễ, nên Ngài phải nói đủ hai bên như vậy, rồi tùy ý ai muốn tu pháp nào cũngặng.

Tu pháp khó hay là tu pháp dễ, rồi cũng đều thành Phật. Tu tuy khác nhau, mà đến cái hiệu quả thành Phật thì cũng in như nhau.

Thí như có một cảnh đế đô ở tại xứ nào đó, lắm thú xinh lịch vui vẻ, ai nghe nói thì cũng muốn du lịch tới chơi. Song khi ra đi hoặc có kẻ muốn do theo đường bằng, đi xe lửa xe hơi, hay là muốn do theo đường biển, đi ghe đi tàu,ặng cho khỏe chơi và mau tới, hoặc có người lại ưng do theo đường hiểm, trèo non lội suối, dải tuyết dầm sương bất kể năm ngày, cứ thủng thỉnh đi hoài, chừng nào tới cũngặng.

Vậy thì cảnh tuy là một, mà đường sá khác nhau, tùy ý ai muốn đi đường nào cũngặng. Đi đường bằng thì dễ, đi đường

biển thì khó. Nếu khó đi thì lâu tới, còn dễ thì mau tới. Sự tới mau hay là tới lâu chẳng đồng như vậy nhưng rốt lại thì cũng đồng tới một chỗ. Nếu đã đồng tới một chỗ thì đi đường khó sao bằng đi đường dễ là tiện hơn.

Xét như nói trước đó, thì những người tu Phật mà chẳng tu Tịnh độ, thiệt là uổng biết bao nhiêu, vì pháp môn Tịnh độ đủ sự và đủ lý.

Lý, tuy quá mắc, mà sự thì quá rẻ; dầu kẻ hạ phàm tu cũng chắc đặng vãng sinh, mà nếu vãng sinh thì chắc đặng thành Phật.

Tu pháp môn Tịnh độ dễ như chim lướt gió xuôi, thuyền bơi nước thuận, chẳng hề mệt sức mà lại đi chắc đến nơi, về chắc đến chốn, không đợi nhiều kiếp khổ tu nhọc chứng.

Vậy nên chúng tôi thường đem sự lý biện bạch rõ ràng để phát dương một pháp rất có lợi ích cho đời, mà công hiến đại đồng nhân giả.

Nhưng ngặt thay ! Trong thế gian có nhiều người không biết Lý, mà nghi Sự lại cho là không có Tịnh độ, không có vãng sinh. Như có ai hỏi làm sao biết rằng không có Tịnh độ và vãng sinh, thì họ đáp lại rằng : Bởi không thấy, nên biết là không có. Than ôi ! Kiến thức như thế mà lại phán đoán tới cái đạo vô thượng !

Vậy xin hỏi lại một điều này : Giả sử có một người nghèo khổ từ bé đến lớn, cứ ở nhà côi cút mà làm ăn, không hề bước chân đi chơi, không thấy đặng các vật tốt đẹp quý báu, nhà cửa sang giàu, cùng các nơi thành phố, đến khi có người khác du ngoạn đã thấy đủ những vật ấy, rồi trở về nói lại, mà người nghèo đó không tin, nhất định không cho là có sự thật.

Vậy người nghèo ấy tỉnh hay là mê, khôn hay là dại ?

Còn nói rằng các vật tốt đẹp quý báu đó, tuy người nghèo ấy không thấy mà người du ngoạn kia có thấy, chớ cảnh Tịnh độ có ai thấy đâu, thì lại càng thêm mê muội.

Bởi cảnh Tịnh độ không có sắc tướng, cũng như tâm của ta không có hình mạo. Như đã không hình sắc, thì con mắt thịt của người thế gian làm sao thấy đặng. Nhưng con mắt thịt tuy không thấy, mà con mắt tâm thấy.

Hễ tâm của ta thường tri mên và thường quán tưởng nơi cõi Tây phương, thì con mắt vô hình của tâm chắc thấy cảnh vô tướng của Tịnh độ.

Thí như chúng ta, trong khi hằng ngày, thường để yù về một cảnh xinh lịch nào đó cứ nhớ tưởng hoài, thì đến khi ban đêm cảnh ấy chắc có hiện ra trong giấc chiêm bao, làm cho ta đẹp ý vui lòng, cũng ăn uống, cũng chuyện trò, đủ các thứ như hồi còn thức vậy. Đó có phải là do nơi tâm mà hiện ra hay không ?

Nếu chấp cảnh ấy là cảnh giả trong lúc chiêm bao, chớ không phải cảnh thiệt, nên khi ngủ thò thấy đến khi thức thì không thấy, thì lại càng lầm nữa.

Bây giờ trước nói về trong thân tâm rồi sau sẽ bàn đến ngoại cảnh. Thân, tức là hình hài cốt cách; còn Tâm, tức là tư tưởng tinh thần.

Trong thế gian, bất kỳ kẻ trí người ngu. Và ý lại nơi tư tưởng tinh thần mới có sống có biết, mới có suy nghĩ chuyện nọ, hành vi sự kia. Song chẳng hiểu tại sao mà đương khi thức, thì biện biệt như vậy; còn đến lúc ngủ thì mê muội vô tri, thân của mình cũng không biết, nhà cửa của mình cũng không biết, cũng không biết tới cha mẹ vợ con, và cũng không biết tới phải dơ tốt xấu, hết thấy đều không biết cả.

Vậy khi ấy, tinh thần tư tưởng ở đâu, mất hay còn, không hay là có ?

Như nói còn nói có, thì làm sao không biết chi hết. Còn như nói mất nói không, thì làm sao thân lại còn sống ?

Đó là nói về tinh thần tư tưởng trong giấc ngủ. Còn trong khi thức thì xét coi tinh thần là cái gì, tư tưởng là thứ chi ? Nó có hình mạo hay không ?

Như nói rằng nó có hình, thì làm sao không thấy. Còn nếu nói rằng nó vô hình, thì làm sao lại có đi đứng vận động.

Nếu chấp cái đi đứng vận động đó là thuộc về thân, khi chết rồi sao thân không đi đứng vận động nữa ? Vậy nó ở vào chỗ nào ? Như nói rằng tinh thần tư tưởng ở tại tâm hay là ở tại não, thì mấy người chết đó, tâm và não cũng còn, mà sao không có cái tri biết.

Lại nữa, nó với thân là một vật, hay là hai vật ?

Như nói rằng một vật, thì nó nguyên không có khi nào tiêu diệt, mà nếu đã không tiêu diệt, thì đáng lẽ nó còn hoài, và thân cũng còn hoài mới phải, chớ sao thân lại có chết. Còn như nói rằng hai vật thì làm sao thân đâu nó đó, nó biết tức là thân biết, thân biết tức là nó biết, chớ không phân nhau đặng. Lại thân với tinh thần tư tưởng ly nhau hay là hiệp nhau ?

Như nói rằng ly nhau, thì thân nương theo cái gì mà biết đau biết mạnh, biết đói biết no, và biết hành động những các công việc nọ kia.

Còn như nói rằng hiệp nhau, thì trong khi ngủ, cái gì ly xác đi chơi mà có chiêm bao đó. Ấy là vật ở trong mình mà còn chẳng biết thay, huống chi biết được cảnh thiệt cảnh ở ngoài.

Tâm và Thân đã biện giải rồi, bây giờ nói qua cảnh. Tâm tuy đối với cảnh, nhưng cảnh thiệt sinh nơi tâm.

Nếu cảnh đã sinh nơi tâm thì đâu phải là tùy theo lúc thức hay là lúc ngủ mà có thiệt có giả. Bởi thức cũng là tâm, mà

ngủ cũng là tâm. Tâm khi thức đã chẳng khác với tâm khi ngủ, thì cảnh khi ngủ, lại đâu khác với cảnh khi thức.

Nếu chấp cái cảnh trong chiêm bao, đến chừng thức dậy chẳng thấy nó mà cho nó là giả, thì cái cảnh trong khi thức, đến chừng ngủ mê cũng không thấy nó, lại đâu đặt cho nó là thiệt.

Vả lại đem cái cảnh chiêm bao ngó thấy mà so sánh với cái cảnh khi thức ngó thấy, thì hai cảnh ấy nguyên chẳng khác nhau, vì khi thức thấy đủ trời đất núi sông và cỏ cây người vật thì trong lúc chiêm bao cũng thấy đủ như vậy.

Nói tóm lại, hễ khi thấy cảnh gì thì lúc chiêm bao cũng thấy cảnh ấy. Lại trong khi mình thấy cảnh ấy, mình đâu có biết rằng mình là chiêm bao. Nếu đã chẳng biết là chiêm bao, thì tức là cảnh thiệt, mà nếu cảnh chiêm bao đã thiệt, thì cảnh Tịnh độ làm sao lại giả ?

Nếu cảnh Tịnh độ đã chẳng giả, thì chắc là có, mà nếu đã chắc có, thì sao lại cho là không ?

Vậy chúng ta phải biết rằng thân của chúng ta sau khi chết rồi, hình chất tuy mất mà tinh thần chẳng mất và nghiệm trong khi chiêm bao, xác thân nằm tại giường mà thân hồn dạo chơi khắp xứ, vật gì cũng thấy, chuyện gì cũng thấy, chuyện gì cũng biết.

Nếu chiêm bao đã có thấy và có biết, thì chết rồi chắc cũng có thấy có biết như vậy. Nếu đã có thấy và có biết, thì tức có thân và có tâm, mà cũng tức là có đối cảnh có vãng sinh. Nếu chẳng sinh nơi cảnh xấu, thì cũng sinh nơi cảnh tốt, hay là chẳng sinh nơi cảnh sạch thì cũng sinh nơi cảnh nhơ, chớ lẽ nào lại không ?

Tại tinh thần của người đương khi còn sống tư tưởng về cảnh nào thì đến chừng chết, vãng sinh về cảnh nấy, cũng như ban ngày có tưởng sự gì, thì tối lại cũng chiêm bao sự ấy. Vậy thì nói sao không có vãng sinh, không có Tịnh độ, mà phòng phải nghi ?

Vả lại pháp môn Tịnh độ chẳng những dễ tu hơn các pháp của các đạo khác nữa.

Đại để như tu Tiên, thì phải xa lánh cõi hồng trần, ở nơi hang sâu núi thẳm, tu đơn dưỡng hống; luyện thần hườn hư, làm đủ các pháp bí mật.

Còn tu Trời, thì mười nghiệp ác của thân khẩu và ý hằng ngày không đừng phạm; mười nghiệp thiện của thân, khẩu, và ý hằng bữa cũng không đừng kém; tu hết những phúc nhỏ và lớn, mà không đừng để ý rằng mình có làm phúc, chưa hết mấy tội lớn và nhỏ mà không đừng tự ý rằng mình chắc khỏi tội.

Tu làm sao cho phúc lớn bằng Trời và đức hiệp với Trời, thì mới gọi là tu Trời. - Cách tu Tiên và tu Trời như vậy thì xét lại coi có khó hay không ?

Nếu tu Trời mà chẳng trọn bề phúc thiện như đã nói trên đó, thì Thanh y đồng tử chẳng rước về Thiên đường. Còn nếu tu Tiên mà chẳng đặng ra khỏi trần lụy, vào cảnh hư vô, thì tất phải làm con quỷ mê hồn, con ma khổ xác.

Xét lại coi xưa nay mấy ai tu Tiên mà đặng thành Tiên bao giờ, chỉ thấy có mấy người mê tin nghe theo tà thần, và tà sư, rồi tự vị rằng mình có tiên phong đạo cốt, y theo mấy quyển sách ngụy tạo như là Chỉ huyền, Khuê chỉ, Huệ mạng, Huệ cảnh, Huỳnh đình v.v...

Tu theo mấy quyển sách ấy, thì thêm tức ngực, nhức đầu, lớn bụng, mù mắt, bại tinh và thổ huyết mà Tiên đâu chẳng thấy, chỉ thấy mang cái xác bệnh, làm báo cha mẹ vợ con cực khổ mà thôi. Đó là nói về bên Tiên bên Trời khó tu và khó thành.

Còn dẫu tu Tiên và tu Trời mà thành về đặng Thiên đường, chứng đặng Tiên quả đi nữa, thì đến khi hết phúc, cũng còn hườn thọ luân hồi, vì Trời và Tiên còn ở trong vọng giác chớ chưa phải chân giác, còn ở trong Tam giới chớ chưa phải Niết Bàn.

Nếu đã chưa phải chân giác và Niết Bàn, thì không thể gì thoát khỏi hai đường sinh tử. Nếu muốn thoát khỏi đường sinh tử, thì phải tu pháp môn Tịnh độ.

Tịnh độ, nghĩa là cõi sạch, không có chút bợn nhơ uế nào cả. Đất ở trong cõi ấy, nguyên những ngọc lưu ly kết thành, còn nhà cửa đường xá, cho đến cảnh vật thì toàn bảy thứ châu báu trang sức hết mực sang trọng tốt đẹp, và lại có chim rất kỳ thuyết pháp, hoa lạ diễn kinh, mắt thấy tai nghe, thanh tao vui vẻ, không phải cái tình huống phiền não cực khổ như cõi thế gian này.

Đó là nói về cảnh. Còn người, thì trên có Đức Phật A Di Đà là ông vua Pháp, là một ngôi giáo chủ ở trong cõi ấy.

Tôi đại thần hầu hai bên Phật, thì có đức Quan Âm, với đức Thế Chí. Còn dưới thì có hàng đệ tử của Phật, đủ các bậc Bồ Tát, La Hán, Thanh Văn và Duyên Giác, lại dưới nữa thì có các Thánh, các Trời, các Long vương và các thiên thần hộ vệ.

Phong quang khác tục; nhân vật lạ đời, ấy là do cái từ lực của Đức Phật A Di Đà đối với các tư tưởng của chúng sinh mà tạo thành ra một cái thế gian ly kỳ, để nhiếp dẫn những người đọa lạc.

Vậy nên tư tưởng của chúng sinh hẳn có cảm thì từ lực của Phật ắt có ứng, nếu có cảm có ứng, thì chắc có vãng sinh.

Vãng sinh, nghĩa là ly bỏ cõi Ta Bà qua sinh nơi cõi Tịnh độ. Nhưng cõi Tịnh độ tuy là một cảnh, mà vãng sinh có chia nhiều phẩm khác nhau :

1 - Người thượng căn thượng trí hiểu lý Đại thừa giữ trọn giới luật, nhất tâm niệm Phật quán Phật trong một ngày không một phút nào là không niệm và không quán tưởng, cho đến trọn đời và đến khi lâm chung cũng vậy, không một khi nào là quên cái nguyện vãng sinh về cõi Phật, tu được như thế thì chắc chiếm đặng bậc thượng phẩm thượng sinh, mau đắc đạo thành Phật. Cũng như người thế gian tài trí siêu việt thì phẩm hàm chắc đặng cao thăng, lộc vị chắc đặng mau lớn vậy.

2 - Người trung căn trung trí, hiểu lý trung thừa, giới luật giữ đặng phân nửa, trọn đời cũng niệm Phật, phát nguyện cầu sinh, đến cái bậc nhất tâm bất loạn, thì không bì đặng với người thượng trí, tu như vậy thì đến lúc lâm chung chắc sinh về hạng trung phẩm, ít nữa cách hai kiếp sẽ đặng thành Phật. Cũng như người thế gian, tài trí bình thường, phải do theo giai cấp mà bỏ quan, lộc vị không đặng mau lớn.

3 - Còn người hạ căn hạ trí, đã không hiểu đặng đạo lý, không giữ đặng giới luật, mà niệm Phật cũng không đặng nhất tâm, khi tán tâm thì nhiều lúc định tâm thời ít, tu như vậy thì đến lúc lâm chung chắc sinh về bậc hạ phẩm, ít nữa cũng cách đến nhiều kiếp mới tỏ tánh đắc đạo mà thành Phật. Cũng như người thế gian đương khi tài chưa thành, trí chưa

mở, thì phải làm dân mà chờ thời, chớ không đặng vội trông đến sự làm quan vậy.

Song tuy làm dân nơi cõi Tịnh độ mà giải thoát đến đều sung sướng tốt bậc, các cõi Thiên đường đâu có bì đặng, vì người ở nơi cõi Thiên đường hưởng hết phúc thì phải chịu đọa, còn người ở nơi cõi Tịnh độ thì không có khi nào thôi chuyển mà bị đọa nữa.

Trong kinh nói rằng : “Bi Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp”. Nghĩa là : Thọ mạng của Phật A Di Đà và mạng của tất cả nhân dân trong nước Tịnh độ sống lâu đến vô lượng vô biên không có thể gì tính đặng.

Vậy nên những người sinh về hạ phẩm tuy chưa mau đặng thành Phật, nhưng chỗ ở đã sạch, mạng lại sống lâu như vậy, thì lo gì không có ngày tỏ đạo thấy tánh mà thành Phật. Đó là cái lý thông thường dễ biết; nhưng bởi tại người không xét mà nghi rằng cõi Tịnh độ là cảnh mơ màng, nói rằng cõi ấy không có người, và cũng không có vật, nên không chịu tu.

Phải chi cứ do trong cái tánh linh của mình mà suy xét cho rõ ràng, thì ngoài cảnh Tịnh độ đã chẳng tổn tiền, lại không mệt sức, bắt tất thông hiểu đạo lý, bắt tất luyện tập hằng ngày, bắt tất cầu thầy điềm đạo, và cũng bắt tất làm hạnh gì cho đặc biệt khác nữa.

Trong Kinh A Di Đà nói rằng : “Nhuộc hữu thiện nam thiện nữ chuyên niệm A Di Đà Phật danh hiệu, phát nguyện

cầu sinh Tịnh độ, thì nhân chung thời, Phật lai tiếp dẫn tức đắc vãng sinh”. Nghĩa là : Nếu thiện nam tín nữ cứ chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thường phát nguyện cầu sinh về Tịnh độ, thì những người ấy đến khi mạng chung, chắc có Phật đến tiếp dẫn, mà chắc đặng vãng sinh.

Lại trong Kinh Di Đà Sớ Sao nói rằng : “Tịnh độ pháp môn chí huyền chí diệu, bất tu dư hạnh nhi đắc lục Ba La Mật”. Nghĩa là : Pháp môn Tịnh độ rất huyền rất diệu, chẳng tu hạnh nào mà đặng tất cả sáu pháp Ba La Mật.

Trong kinh ấy lại nói rằng : “Đói hoặc vãng sinh, thiết vi phương tiện tối thắng đệ nhất”. Nghĩa là : Người tu Tịnh độ, đến khi lâm chung, tuy là tội nghiệp nặng nề, nhưng nhờ có Phật lực dắt khỏi sông mê, đem về Cực Lạc, thiết là một pháp phương tiện siêu thắng hơn hết.

Mấy lời luận trên đó, nguyên không phải chúng tôi có cái ý riêng gì mà trọng pháp Tịnh độ, khinh pháp Thiên định và cũng không phải có cái chỗ lợi dụng gì mà binh Phật bỏ Trời và Tiên.

Chẳng qua là vì đạo có cao thấp và pháp có khó dễ. Nếu chẳng biện biệt cho rõ, thì nẻo xu hướng phải mơ hồ, dầu có cầu đạo cũng uổng công, có tu hành cũng nhọc sức đâu có lên đặng con đường giải thoát mà mong ra cho khỏi luân hồi.

Phổ nguyện những người tu hành ngày nay tất cả đừng có bày đặt sửa đổi chi hết, chỉ sửa cái lòng tin về pháp môn Tịnh

độ cho hẵn hòi mà thôi, rồi cứ y theo nghi thức niệm Phật mà tu hành.

Vậy bộ LONG THƯ TỊNH ĐỘ bằng Hán văn này do ngài Vương Nhật Hưu đã sưu tập.

Hôm nay thầy Tỳ Kheo Lê Phúc Bình dịch Hán văn ra Việt ngữ để cống hiến cùng quý bạn đồng tu Tịnh độ. Y theo tuần tự thứ lớp trong bộ sách này để làm nguồn cội chỉ giác con đường nào phải đi, để khỏi phải lầm lạc vậy.

Nếu tin cho thâm, niệm cho thiết và nguyện cho chắc, thì chẳng đợi đến khi chết mới thấy Tịnh độ, hiện đương còn sống đây mà trong khi ta tịnh tọa quán tưởng, hay là chiêm bao, thì cũng thấy các lầu châu gác ngọc, thấy Phật và Bồ Tát, thấy La Hán và Thanh Văn, thấy đủ quốc độ nhân dân phong cảnh hy kỳ, dầu cõi Trời và cõi Tiên cũng không bì đặng.

Đó cũng tại cái tư tưởng của mình thanh tịnh như vậy, thì như bóng của mình tốt, thì chụp vào cái máy bóng cũng tốt, tiếng của mình thanh, thì thâm vào cái máy tiếng cũng thanh.

Vả lại bóng với tiếng vốn là vật vô tình, mà tinh thần còn đặng y nhau như vậy, huống chi lấy cái tâm hữu tình, mà tưởng cảnh hữu tình, thì làm sao lại không có cảm ứng.

Nên phải biết rằng tánh ta với tánh Phật hai tánh in nhau, như nước hòa với nước, như dầu hiệp với dầu. Nếu ta niệm

Phật, thì Phật tiếp ta, dắt dìu ta về cõi Tây phương, để như con rận nương theo áo người đi xa ngàn dặm vậy. Nhưng không vãng sinh là tại nơi người chớ không phải tại nơi pháp.

Xưa ngài Thiên Như Hòa thượng nói rằng : “Chính pháp tượng pháp chi hậu, chư kinh diệt tận, chi lưu A Di Đà Phật, tứ tự cứu độ mạng pháp chúng sinh, kỳ hữu bất tín giả ưng đọa địa ngục”. Nghĩa là : Sau khi chính pháp qua rồi, thì các kinh lần lần tiêu diệt, chỉ còn lại bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sinh, trong đời mạng pháp nếu ai không tin thì phải đọa vào địa ngục.

Lại ngài Liên Trì Đại sư nói rằng : “Mạng pháp Tỳ kheo tín tâm bất như cư sĩ, cư sĩ bất như nữ nhân”. Nghĩa là : Trong đời mạng pháp, tín tâm của mấy thầy Tỳ kheo phần nhiều thua mấy ông cư sĩ; còn mấy ông cư sĩ phần nhiều lại thua trong hàng nữ lưu.

Vì cái tín căn của nữ lưu thậm hơn Tỳ kheo và Cư sĩ, nên tuy họ không hiểu chi về đạo lý, mà nghe đặng cái pháp niệm Phật thì họ do cái tánh linh của họ, mà định y giáo phụng hành, không có cái lý thuyết nào đánh đổ họ đặng.

Còn mấy thầy Tỳ kheo và Cư sĩ thì tín căn không đặng quyết định, hay ý trí tư tưởng cao xa, hay làm sự thần kỳ mầu mả, nên cứu cánh vãng sinh thì ít mà bị đọa thì nhiều. (A Di Đà Phật, xin hoan hỷ).

Nếu Tỳ kheo và Cư sĩ đã sẵn trí huệ như đây mà chuyên tu Tịnh độ thì chắc đặng thượng phẩm thượng sinh.

Vậy hỡi ai ôi ! Ai là râu hùm cầm én, ai là đầu tròn áo vuông, xin đừng quá nhượng cái đài tọa sen vàng mà để cho khách hồng quần chiếm hết.

NAM MÔ SA BÀ GIÁO CHỦ ĐIỀU NGỰ BẢN SƯ
THÍCH CA MÂU NI PHẬT



QUYỀN NHẤT
CHỨC QUỐC HỌC TÂN SĨ
ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI :

Tôi xem khắp trong ba tạng kinh và các bộ ký; rút lấy ý chỉ nhiệm mầu mà viết ra bộ sách Tịnh độ này, không một chữ nào, mà không căn cứ. Vậy xin các trang hậu học đừng chấp tôi người hèn, mà không quan cố đến lời nói của tôi, trong bộ Long Thơ Tịnh Độ này.

Bởi tôi muốn ai ai cũng đồng tỏ ngộ, ai ai cũng đồng tu Tịnh độ. Thế cho nên tôi mới biện bạch những lời ngay thẳng, không dùng lời bóng bẩy và trau chuốt.

Tôi là họ Vương tên Nhật Hữu ở về quận Long Thơ (nước Trung Hoa). Xét ra sách Tịnh độ truyền đời nhiều lắm, cho nên tôi soạn bộ sách này để nhan đề đầu quyển hiệu là : Long Thơ Tịnh Độ, cho khác với các bộ sách kia vậy.

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN
THỨ NHẤT

Cái thuyết Tịnh độ thường thấy người thực hành trong mỗi ngày, mà bao nhiêu công niệm Phật bèn thấy kết quả nơi đời sau, lúc vãng sinh về Tịnh độ. Người không biết, tưởng

niệm Phật là việc của đời sau, nào ngờ đâu công đức niệm Phật lại rất có lợi ích ngay trong đời này nữa vậy.

Vì sao ? Phật sở dĩ tha thiết dạy người làm lành, cũng như nhà Nho dạy người lánh dữ, nào có khác chi ! Khác là khác có danh từ Phật với Nho vậy thôi. Thế cho nên người niệm Phật tu Tịnh độ thường thấy trong mỗi ngày, ý tưởng Phật, miệng niệm Phật, thân làm việc Phật, thì đâu không phải là ba nghiệp thanh tịnh ? Ba nghiệp thanh tịnh là việc lành. Làm lành thời là quân tử, là trang đại hiền, đương đời ai cũng kính mến, phục lụy, Thánh thần phò hộ, phúc lộc được tăng trưởng, sống lâu vô cùng tận. Do đây mà nói, thời để tâm nghe theo lời Phật dạy, thực hành theo pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, thì ai dám bảo rằng không lợi ích ngay trong đời này ư ?

Lại nữa, người bị nghiệp duyên ràng buộc, không thể chuyên chú niệm Phật. Vậy nếu người có chí niệm Phật, thì ác duyên kia cũng có thể từ đây mà bớt lần, rồi thiện duyên cũng có thể từ đây tăng tiến. Ác duyên bớt lần bớt mãi không thôi, cho đến ngày bật dứt, không còn ác duyên nữa. Thì thiện duyên tăng tiến tăng mãi không thôi, cho đến ngày thiện duyên thuần thực.

Ác duyên bật dứt, thiện duyên thuần thực thì không phải người quân tử chớ chi ? Không phải kẻ đại hiền chớ chi ? Do thế, nên nghiệm xét, thời lời nói của Phật không phải là vô cơ, vậy niệm Phật cầu sinh Tịnh độ làm tâm, thì ai dám bảo rằng không lợi ích đương đời ư ?

Lại nữa, những người không biết lễ nghĩa là sự quý, không biết việc hình phạt là sự đáng ghê sợ; cứ đem tiền tài khí lực làm mạnh, cứ lấy quyền thế làm hơn. Vậy nếu biết lấy câu niệm Phật để vào tâm thời cũng biết xét mình, mà chừa cái lỗi của mình, phải trừ nơi tâm mình, không đặng móng các điều chê bai người, không hung dữ, không lòng ganh gổ người hiền, không tham muốn giận hờn, không ép uổng người gạt người lấy của, chỗ ra làm tuy không thể hợp lễ nghĩa cho mấy, nhưng cũng có thể kè gần sự lễ nghĩa không xa, tuy không thể khỏi hẳn việc hình phạt nhưng cũng lánh xa được việc hình phạt vậy. Gần lễ nghĩa, xa hình phạt, lần lần khỏi đặng khu vực của kẻ tiểu nhân, mà đi tới quốc độ của người quân tử.

Người thường biết được chút ít Phật lý, trong đời ai cũng ngợi khen là kẻ thiện nhân, và ai ai cũng bắt chước làm theo hành vi của người ấy. Do đây mà nghiệm xét thời lời Phật dạy, phải để tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, ai dám bảo rằng không lợi ích nơi đương đời ư ?

Có người hỏi ông Vương Nhật Hưu rằng : Theo lời nói của đức Khổng Tử, để tâm thực hành theo Nho giáo, đâu chẳng lợi ích nơi đương đời, hà tất phải niệm Phật cầu sinh Tịnh độ làm chi ?

ĐÁP.- Và chẳng Phật có nói : “Cái thân mộng ảo này phải thác, giác tánh còn hoài”. Còn lời Thánh thì nói rằng :

“Người noi làm theo sự nhân nghĩa thời đặng bất tử, mà kẻ nghe đạo thời chứng đặng quả vô sinh”.

Tóm lại thì như thuốc chẳng xúng tay nào, chỉ có biết dùng thời mới mau lành bệnh. Bởi thế thực hành theo Nho giáo, ấy đó là pháp thế gian mà thôi, chớ không phải pháp xuất thế gian vậy. Vì sao ? Pháp thế gian thời không ra khỏi luân hồi lục đạo, còn pháp xuất thế gian thời chóng khỏi luân hồi và sinh tử.

Thế cho nên niệm Phật cầu sinh Tịnh độ chẳng những ích lợi đương đời, lại còn lợi ích nơi đời sau nữa, cho nên pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ là một pháp siêu việt, vượt thế gian và xuất thế gian vậy.

Nay sóng sông ái hà nhận chìm đến đáy, mà chẳng lo, ở nhà lửa đốt cháy sao không sợ, dệt dày lưới (Si), ngọn gươm (Trị) lứt, cắt sao cho đứt, trồng sâu cội (Nghĩ), sức ít (Tín) nhỏ sao cho tróc, đó mới thật đành lòng đành dạ, cầu họa vui tai, lại chê cái cội trong sạch, tham mến cội đời phiền não, như châu báu bị cháy cánh, như chim ở trong lồng, cá trong chậu, lại khen vui vẻ. Than ôi ! Ở trong thế gian này, có một sự làm cho cả thủy nhân loại không ai trốn tránh đặng và cũng không ai từ chối đặng.

Những sự ấy chính pháp nguyên từ vô thi mà lưu độc cho đến ngày nay, chớ không phải là sự mới có. Thế mà ít thấy ai quan niệm và lưu tâm đến nó, thành thử, suốt đời cứ sống say

chết ngủ ở trong cái phạm vi của nó mà không tự biết. Thiệt là thảm nỗi thay !

Sự ấy là gì ? Chính là sự khổ hiện tiền của nhân loại đó. Cổ nhân có nói rằng : “Ta Bà khổ, Ta Bà khổ, Ta Bà chi khổ thù nạng số. Tịnh độ lạc ! Tịnh độ lạc ! Tịnh độ chi lạc thù nạng giác”. Nghĩa là : *Ta Bà là cái cõi khổ mà cái khổ ở nơi Ta Bà có ai kể xiết. Tịnh độ là cõi vui mà cái vui ở nơi Tịnh độ có ai biết đặng.*

Vậy chúng ta đã hiểu rằng : Tịnh độ là cõi khoái lạc tối thắng rồi, mà muốn sinh về cõi ấy phải làm cách nào ? - Và chẳng Đức Phật A Di Đà có lời nguyện rằng : “Bằng có người nào niệm danh hiệu Ta, thì đặng về nước Ta; nếu chẳng như vậy, thì Ta thề không làm Phật”. Từ Đức Phật Thích Ca giáng trần đến nay đã hai ngàn năm trăm ba mươi sáu năm, trong bấy nhiêu năm ấy, có những bậc cao tăng, thánh hiền, cụ nho, nông, công, thương, sĩ, cổ, đàn ông, đàn bà, nô tỳ, hoặc mình cũng khuyên người, hoặc biên văn lập thế. Trọng giáo pháp như báu, khinh thân mình như bụi, gặp việc nặng chẳng sợ, cứ sửa mình lập hạnh, mà gắng sức học đạo này.

Hoặc người tu tùy hỷ, hoặc người tin mà quy y số ấy càng đông như sao, như bụi, song chưa gọi là nhiều vậy. Hoặc người niệm Phật nửa tin, nửa nghi, dự dự không quyết, mà còn đặng sinh về Tây phương ở nơi biên địa nghi thành

thay ! Huống chi người chính kiến chính nguyện thì có chi nghi ngờ ?

Nay có người muốn vui cõi thiên nhân, mà không tu phúc, muốn khỏi biển sinh tử, mà không niệm Phật, cũng như chim không lông cánh mà muốn bay, cây không gốc mà muốn sống há dễ dàng nào !

Vậy nếu biết được như thế, thì chẳng những hiện tại, mà cho đến ngày sau chúng ta đặng rảnh phần khổ não, hưởng sự an vui, và hết lăn lộn trong trường sinh tử.

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN

THỨ HAI

Luận về lý, thời thượng thấy trong mỗi ngày, không hề xa cách, như bài trước đã nói. Luận về tích thời thấy trong khi xơi trà buổi ban mai bất tất vì chấp cả ngày, cứ niệm mười câu Nam mô A Di Đà Phật là được rồi. Vì sao ? Bởi pháp môn tu trì có chia ra chín phẩm ai ai cũng có thể tu miễn là hồi tâm hướng thiện thời là được. Cho nên pháp môn mười câu niệm Phật đây ai ai cũng có thể làm được cả.

Ông Bạch Lạc Thiên làm lời tụng rằng : Ta tuổi bảy mươi mốt, chẳng ham việc ngâm nga, coi kinh mỗi con mắt, làm phúc sợ bôn ba, lấy chi độ tai mắt, cứ một tiếng niệm Di Đà, đi cũng niệm A Di Đà, ngồi niệm A Di Đà, dẫu việc chi gấp rút, chẳng lia câu Di Đà, khuyên chúng trong pháp giới, đồng niệm A Di Đà, muốn thoát luân hồi khổ, phải niệm A Di Đà.

Hồi đòi Phật còn tại thế, có một ông già cầu đi tu, ông Xá Lợi Phật chẳng cho, Phật xem lại người ấy, kiếp trước là tiều hái củi, bị cọp rượt, trèo lên cây, hoảng sợ niệm tiếng Nam mô Phật, vì có chút lành ấy, nên nay gặp Phật độ đặng siêu thoát, chứng quả A La Hán.

Hỡi ôi ! Chỉ kêu tên Phật một tiếng còn đặng thoát huống chi mình trọn đời niệm Phật thì sao ?

Trong Thập Lục Quán Kinh nói : Lòng chí thành niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật thì đặng tiêu tám mươi ức kiếp sinh tử tội nặng.

Những người tội ngũ nghịch thập ác, đến cơn lâm chung, niệm mười câu niệm A Di Đà Phật còn đặng về Tây phương, hưởng chi người ăn chay giữ giới niệm Phật lâu ngày. Tuy người tạo ác trăm năm, nhưng một giờ tu thiện thì ác cũng có thể diệt trừ, ví như nhà tối ngàn năm chong một ngọn đèn thời là sáng vậy, cho nên tuy kẻ giết trâu xẻ ngựa lúc buông dao hàng thịt, cũng có thể tu chúng.

Vì lẽ biết hồi tâm sợ sự nhân quả mà tránh điều dữ làm việc lành. Có người nói rằng : Hai chữ nhân quả không đủ tin. - Nếu lấy sự trước mắt mà luận, thì những người bình sinh trong sạch, làm những điều phúc thiện đáng lẽ được phúc đặng thọ mới phải, mà sao thấy có người cứ nghèo hèn tật bệnh và lại thọ mạng không dài ?

Trái lại, những người bất nhân ác nghiệp, hại vật sát sinh, lý ung phải chịu mấy điều cực khổ hoạn nạn mới phải, mà sao thấy cũng có người lại được sống lâu, giàu có và sang trọng ? - Như vậy hai chữ nhân quả có chứng nghiệm gì, mà buộc người ta phải tin chớ ?

Ôi ! Nói như thế cũng chẳng khác nào ngồi dưới giếng mà ngó lên trời, dòm ống quản mà coi con beo, thì cái thấy ấy có nhằm gì đâu, mà bảo không làm sao đặng ?

Kinh Niết Bàn nói rằng : “Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình, tam thế nhân quả, tuần hườn bất thất, nhất sinh không quá, hậu hồi nan truy”. Nghĩa là : *Lẽ báo ứng về sự thiện ác như bóng theo hình, nhân quả trong ba đời xoay quanh chẳng mất, nếu kiếp này bỏ qua, thì sau ăn năn không kịp.*

Sách Châu Dịch nhà Nho nói rằng : “Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”. Nghĩa là : *Nhà nào chứa điều lành, ắt có phúc dư. Nhà nào chứa điều chẳng lành ắt có họa dư.* Nếu xét theo lấy câu nói của các kinh sách đã dẫn chứng đó thì biết trong tam giáo, cũng đều dạy người, phải tin nhân quả, phải biết tội phúc, chớ có lẽ nào chưa thấy đặng cái chung cuộc của sự báo ứng thế nào mà vội bác khước, rằng không có nhân quả thì sao phải ? Thập Luận Kinh có nói rằng : “Bác vô nhân quả, đoạn diệt thiện căn”. Nghĩa là : *Bác khước cho là không có nhân quả, thì dứt mất căn lành.*

Vậy nên xưa có thầy Tỳ kheo đối với người tham vấn nói rằng : Bậc đại tu hành không khi nào lạc nhân quả (*chính nghĩa là không mất nhân quả*). Thế mà người nghe lầm tưởng rằng không có nhân quả, thầy Tỳ kheo bị cái ảnh hưởng thuyết pháp bất minh ấy mà năm trăm đời đọa làm thân con cáo.

Còn ông Thiện Tinh Tỳ kheo, thì khởi lòng tà kiến bác khước nhân quả nói rằng : Không có nhân quả rồi trong lúc sống mà đọa địa ngục. Nếu chúng ta muốn nghiên cứu về Phật lý cho đặng đạt tới mục đích thâm diệu, thì trước hết phải tin hai chữ nhân quả cho cùng cực thấu đáo rồi mới do đó, mà vào chỗ chính tri chính kiến của Phật đặng.

Huống chi tội ác đã nhiều, phúc duyên không có, thì làm sao được cuộc tao phùng thắng hảo, thành thử suốt đời không khi nào thấy Phật nghe pháp, và cũng không có người thiện tri thức nào dạy bảo, cho biết đường lành nẻo dữ, đi lại rồi cũng chìm xuống nổi lên, ở trong sông mê bể khổ.

Bởi vậy cho nên lời Tiên đức có nói rằng : “Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp, mạc báng Như Lai chính pháp luân”. Nghĩa là : *Muốn đặng chẳng chiêu vô gián nghiệp, đừng chê chính pháp của Như Lai*.

Có người đương bị đày đọa trong đời hiện tại này, mà biết tự nghĩ rằng : mình cũng một hạng người trong nhân loại mà sao người ta thì phú quý phong lưu muôn phần tự tại, còn mình thì nghèo hèn khổ cực, khốn đốn trăm bề, chắc chỗ tạo

nhân kiếp trước của mình lắm điều bất thiện, nên ngày nay mới chiêu cảm cái tội báo như vậy.

Nếu những người ấy nghĩ như thế, rồi hồi tâm cải quá, nét cư xử phải do đường chính đạo, trăm điều ngàn chuyện tự xét lấy mình, ngoài ra thì ăn chay niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ, niệm câu Nam mô A Di Đà Phật.

Nghĩ tưởng Đức Di Đà thiết là cha lành của chúng sinh, cho nên khởi một lòng mong tưởng, thời đức vạn linh đã biết mình ngộ mình tu, đặng cầu về Cực Lạc, cho nên nói công phu tu trì chỉ thấy trong khi xoi trà một buổi ban mai, mà công đức lại muôn đời bất hoại.

Thế mà người đời vì sao mà không tu ! Tiếc thay, uổng thay. Sách Nho có câu rằng : “Thiên đường hữu lộ vô nhân đáo, địa ngục vô môn hữu khách tầm”. Nghĩa là : *Đường về Tịnh độ rộng thênh thang không ai tìm biết mà đến, còn địa ngục không cửa ngõ lại cứ tìm cách mà vào cho đặng, thế mới thật là khổ.*

Vậy có phải cái quả Thiên đường của người tác phúc, cái quả địa ngục của kẻ tạo tội đó không ?

Nếu người tác phúc kia mà muốn cho cái quả vị của mình càng ngày càng cao, phúc duyên của mình càng ngày càng lớn, thì phải lo bái sám tụng kinh ăn chay niệm Phật, ngoài ra để lòng nghiên cứu về diệu lý mà mở mang trí khôn, lấp cạn nguồn tình, lóng trong biển thức. Được như thế chẳng những

trong lúc hiện tại này, cái mầm tai gốc họa được tiêu khô, và ruộng phúc, hoa duyên được tươi tốt đó thôi, mà lại cũng có ngày được chúng quả vô sinh rồi tiêu diêu trên con đường Cực Lạc nữa.

Bằng như người thừa cái thiện nhân đời trước mà hưởng đặng cái phúc quả của ngày nay, rồi lại sinh lòng đắm sắc mê tài, tham danh tiếc lợi khiến cho thần hồn quý giận, kẻ oán người thù, thì cội phúc càng tiêu, dây oan càng buộc, rồi phải trở lại bị cái ác nghiệp nó lôi kéo vào trong con đường thống khổ, cũng như người tạo tội kia không khác vậy.

Còn những người đương bị đày đọa trong đời hiện tại mà biết tự nghĩ rằng : mình cũng con người như người ta, mà sao người ta lại giàu có, sung sướng, lên xe xuống ngựa, quần này áo kia, còn mình thời nghèo khổ trăm bề, thiếu trước hụt sau, quần áo vá trăm miếng, có lẽ chỗ tạo nhân kiếp trước của mình, lắm chuyện không lành, nên ngày nay phải mang cái tội báo như vậy.

Nếu những người ấy nghĩ như vậy, rồi hồi tâm cải quá, nét cư xử phải do đường chính đạo, sự hành vi phải giữ mực thanh bản, đừng gian, đừng tham, đừng láo, đừng dối, trăm điều ngàn chuyện tự xét lấy mình, ngoài ra thì ăn chay niệm Phật cầu nguyện cho thoát kiếp trầm luân được phần khoái lạc, nếu đặng như vậy thời Phật giúp, Trời thương, quỷ kiêng thần nể, tội hoa héo rụng, phúc quả tròn nên, rồi được thừa

cái thiện nghiệp ấy mà tự tại tiêu diêu, trên con đường bất

Cho nên người đời hầu hết đều đầu thai trong xác người phàm, chớ đâu có biết, sự hóa sinh nơi hoa sen ở cõi Tịnh độ, ở cõi này người sống lâu chỉ bất quá trăm tuổi là cùng, đâu có biết, cõi Tịnh độ hà sa số thọ.

Ở cõi này sự ăn mặc ắt phải nhờ người làm ra mới có; đâu có biết cõi kia có áo cơm sẵn sàng. Cõi này có lúc vui, rồi lại có lúc buồn. Cõi kia thường có cái vui bất tuyệt.

Thế thì ta nên nghe theo lời Phật, không nên chấp theo những việc trước mắt không thấy mà vội không tin lời Phật. Trong Đại Di Đà Kinh có nói rằng : “Mười phương vô lượng Bồ tát nguyện vãng sinh về nước A Di Đà Phật kia”, như các vị Bồ tát còn muốn vãng sinh thay, huống chi ta là người bậc nào, mà chẳng cầu vãng sinh về đó ?

Như hậu thân của ông Tăng Lão Công là ông Triết Lão, thân sau chịu nhiều điều ưu khổ. Hậu thân ông Cổ Lão ham mê việc giàu sang, hậu thân bà vãi Pháp Hoa làm con hát cho nhà quan. Đều bởi chẳng tin phép niệm Phật cầu về Tây phương, nên mắc xoay vần trong đường luân hồi mà chịu khổ. Huống chi Đức Phật Ngài lại tha thiết dạy người, bảo người đừng vọng ngữ, thì lẽ nào Ngài lại nói vọng ngữ, mà đối gạt người hay sao ?

Người đời sở dĩ nói vọng ngữ, một là cầu danh, hai là cầu lợi và ba là lánh nạn.

Còn Phật, Ngài đã không màng đến ngôi vua có chi là cầu danh. Kho lắm dẫy dầy Ngài không đoái hoài, thì cầu lợi nào nữa. Phật xem đường sinh tử như không, dầu kẻ ác liêng búa chém hư không, cũng như cầm dao chặt dưới nước, có dính dấp gì ai, mà phải nói vọng ngữ để mong lánh nạn.

Thế là Phật không dùng lời vọng ngữ để gạt người đã rõ rệt. Vả chẳng, nhọc ta ở nơi thai bào, có già mới cướp sức mạnh ta, có bệnh mới tồn hình dạng ta, có chết mới bắt thần linh ta, có vinh mới sinh sự kiêu căng, có nhục mới sụt chí khí ta, có sang ta mới kiêu ngạo, có hèn mới dập sự hành lòng ta, có giàu thì nặng lòng tham lam ta, có nghèo thì thiếu y báo ta, có vui mới động cái tình ta, có khổ mới đau tinh thần ta, có khen mới khởi lòng cao ta, có chê mới có diệt danh giá ta. Nhấn đến khi lạnh thời ép ngọt thân ta, nóng thời bực bội lòng ta, khát thời khô cổ họng ta, đói thời xót ruột ta, kinh thời khiếp hồn ta, sợ thời mất vía ta, thuận thời lớn lòng ái ta, nghịch thời khiến ta ghét. Rồi lại đối với vua, trái cùng cha, ngạo người đời, đua theo thời, sinh lòng thú, tham sự lợi cầu tiếng danh, phỉnh gạt người, nếu dèm dúa, nương quyền thế khi cô quả, sâu lòng hại tạo nghiệp nhiều, quạt lửa dục, thổi gió tham, rong theo trần, bỏ tính giác, làm việc bậy, lấp thiện nhân, chỉ ngó trước chẳng xem lại sau, chỉ đi chẳng tưởng lo về, tưởng cầu sống đâu biết chết, thời mỗi niệm như đốt nấu, mỗi bước sa hầm vậy. Phương chi nếu chúng ta biết lẽ đi tới cõi Niết Bàn là khởi sự sinh tử luân hồi, hưởng phần an lạc thì cần phải biết do con đường nào mà đi đến đó, có phải là do theo đường Bát Chính không ?

Đường bát chính ấy là :

- 1/ Trông thấy theo lẽ chân chính.
- 2/ Suy nghĩ theo lẽ chân chính.
- 3/ Nói năng theo lẽ chân chính.
- 4/ Sự làm theo lẽ chân chính.
- 5/ Nuôi sống theo lẽ chân chính.
- 6/ Tinh tấn theo lẽ chân chính.
- 7/ Ghi nhớ theo lẽ chân chính.
- 8/ Và Thiên định theo lẽ chân chính.

Trong mọi lẽ chân chính nói trên đây có đủ năng lực làm cho những bậc tu hành từ xưa đến nay, được nhờ cái ánh quang minh soi thấy đường tà nẻo vọng khỏi bị lạc lầm mà thẳng tới cõi chân không tịch diệt. Còn con ma sinh tử kia, không có ngõ nào mà đem hột giống luân hồi gieo rải trong miền thế gian được nữa.

Như vậy thì đường Bát chính là một nơi cơ sở cho người xuất gia và một cái căn bản cho người học đạo. Nói tóm lại, pháp môn Tịnh độ dạy người cho biết rằng cả thấy mọi sự hữu vi trong thế gian đều là giả dối như cảnh chiêm bao thấy đó rồi bỗng không đó, như bọt nước nổi đó rồi tan đó, như

hạt sương đọng đó rồi khô đó, có cái gì mà làm cho đời người đặng nương cây đậu !

Cho nên vị Tiên hiền nói : Lời Phật không tin chớ tin lời ai bây giờ ? - Huống chi người ở nhà cửa thấp xấu, lại khen là nhà cao rộng lớn, ăn cơm hầm canh rau, lại khen mùi ngon vật lạ, mặc áo quần to xấu, lại khen là tổ nhiều nhỏ diệu.

Bằng nói tâm Tịnh độ, quốc Tịnh độ, như vậy thời chẳng còn chi mà phân biệt, huống chi nay mắc cái khổ, già, bệnh, chết, trong việc đời có khi trái tình, thời nhan sắc kẻ ấy với nhan sắc người chưa tỏ ngộ đồng nhau, như vậy mà dám nói tâm Tịnh độ quốc Tịnh độ, mình bị chỗi trước buộc việc khổ não, sao lại dối mình chi lắm vậy ? Chẳng đặng vậy khá nên tin giáo pháp, vâng chính lý cõi Tịnh độ mà tu.

Như thuở xưa có người khắc tên một vị trung thần vào tấm bảng đá, nói vị trung thần kẻ gian ác, liền bị trời đánh (sét) chết người vu oan và tấm bia tan nát.

Nay ta dùng vàng ngọc lụa là khắc chạm rương tráp, đựng lời vàng Đức Phật nói, mà đã chép trong kinh. Nếu lời kia là lời nói vọng, thì còn lắm tai hại hơn tấm bia của kẻ gian ác nói trên, có đâu đợi tới trăm năm, ngàn năm mà trời không đánh đó ư ? Thì đủ biết rằng lời Phật là lời thành thật vậy. Lời thành thật không tin, chớ hỏi, tin lời nào nữa ?

Cho nên tôi (lời ông Vương Nhật Hưu) nói, không còn nghi ngờ, đã không nghi ngờ mà lại còn thậm tín hơn nữa. Huống chi

từ xưa đến nay, những người tu theo pháp môn Tịnh độ này, sự cảm ứng rất nhiều chớ nên đem lòng không tin mà nói rằng không có.

Nếu làm lành mà nói không có kết quả, vậy thì bây giờ thử làm ác coi có tai hại hay không ?

TỊNH ĐỘ KHỎI LÒNG TIN

THỨ TƯ

Người nhà Nho hoặc thấy những người tín đồ bên đạo Phật không giữ giới hạnh, rồi buông lời chê đạo Phật, nhân đó mà cái thuyết Tịnh độ của Đức Phật dạy không tên nữa, như vậy là không phải.

Vì sao ? Thử hỏi, bên đạo của ông Lão Tử có những kẻ đạo sĩ bất chính không nhân, không nghĩa, mà rồi khinh đức Lão Tử sao đành và kẻ học trò Nho chẳng hiền, mà trở lại chê đạo cang thường của đức Khổng Tử dạy ư ?

Người trí còn không bỏ một lời nói phải của người thường, huống chi ta đi chấp những tín đồ làm không đúng, mà chê giáo lý cao thượng của Đức Thích Tôn ư ?

Chính các đệ tử của Đức Phật Tổ thuở xưa cũng vậy, ông được hạnh kia, lại thiếu hạnh nọ. Như ông Mục Kiền Liên thì sáng suốt về phép thần thông thứ nhất, ông A Nan thì nghe nhiều nhớ giỏi, ông Xá Lợi Phất thì trí huệ sáng suốt hơn các vị Thanh Văn khác, ông Ca Diếp thì kiên tâm bền chí, tu theo hạnh đầu đà, khổ hạnh bậc nhất v.v...

Nếu các vị ấy mà được cả công đức đầy đủ muôn hạnh viên dung, thì ngang hàng với Đức Phật chớ đâu còn ở địa vị Thanh Văn hoặc Bồ Tát nữa.

Ví dụ như mấy vị đồ đệ hiện triết môn đồ của đức Không Tử, thì cũng có ông này ông khác. Nếu đem so sánh từ ông hiện số một đến ông hiện chót, thì ông hiện chót có lẽ tài đức kém hơn mấy ông hiện trước là dường bao ? Nhưng cũng được dự vào địa vị thánh hiền như ai vậy. Huống chi đời nay các ông Tăng cũng có ông tu nhiều, cũng có ông tu ít, có ông đủ tài mà thiếu đức, lại có ông đức hạnh đầy đủ, mà tài năng khiêm khuyết, thì hà tất chúng ta lại đi chê giáo lý ư ?

Vả lại giáo pháp Đức Phật lập ra không những một pháp mà là có pháp thế gian, và có pháp xuất thế gian nữa kia mà.

Thế nào là pháp thế gian ?

Pháp thế gian, Đức Phật lập cũng in như pháp của đức Không Tử dạy người đời không khác. Nay lược nói chỗ đại đồng, xin nhân giả để tâm nghiệm xét. Đức Phật sở dĩ khẩn khẩn dạy người đời đâu không răn người đời bỏ việc ác làm việc lành. Mà đạo Nho ta nào không từng răn ác khuyến thiện ư ! Nay đem những việc trước mắt thường thấy, nói cho dễ hiểu.

Như đạo Phật thì có năm giới như là : sát, đạo, tà, vọng, tửu. Còn nhà Nho thì có ngũ thường như là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cũng như nhau.

Nhà Phật chẳng sát sinh, nhà Nho lòng nhân lớn, Phật không trộm cướp, nhà Nho nghĩa thanh liêm, nhà Phật không tà dâm, nhà Nho lễ minh chính, nhà Phật không uống rượu, nhà Nho trí tỏ sáng, nhà Phật không nói vọng, nhà Nho tín chí thành là phải vậy.

1/ Đức Phật dạy kẻ tín đồ quy y đạo Phật bảo đừng sát sinh, đừng trộm cướp, đừng tà dâm ba nghiệp của thân. Cũng như bên nhà Nho đức Khổng Phu Tử nói : “Thắng tàn khử sát”, ngăn việc tàn nhẫn cấm việc sát hại, có câu người làm thi nói : Vua Văn Vương, đức kịp đến loài điều thú, côn trùng. Loài điều thú côn trùng, ngài không nở ra tay sát hại, hưởng chi hại người, như thế nhà Nho đâu không răn việc sát sinh đó ư ?

Còn việc trộm cắp nhà Nho lại còn cấm gắt hơn nữa. Đức Khổng Tử lại nói câu : “Ngô vị kiến háo đức như háo sắc giả”. Nghĩa là : *Ta chưa từng thấy người nào ham đạo đức, ví như ham sắc đẹp*. Kẻ làm thi cũng nói : Chê người không ham đạo đức, mà cứ ưa sắc đẹp, như thế đạo nhà Nho đâu không răn việc tà dâm ư ?

2/ Đức Phật dạy tín đồ đã thọ giới bất vọng ngữ, thì đừng nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ là bốn nghiệp của miệng. Đức Khổng Tử lại nói : Nhân nhi vô tín bất lập. Người mà xã hội không ai tin, ấy là người vô dụng, như vậy thì nhà Nho đức Khổng Tử nào không ngăn cấm việc nói vọng ngữ ư ? Ngài lại nói : Lời nói chuốt ngọt

cho đẹp, người như thế là người ít có lòng nhân. Thế là đức Khổng Tử đã răn cấm không cho nói lời thù dật đã rõ rồi.

Huống chi trong sách Nho Thiên Nhĩ Nhã, đức Khổng Tử có bảo đồ đệ ngài rằng : Người chớ nói phải trước mặt, lui sau có lời dị luận. Thế là đức Khổng Tử còn cấm thêm không cho nói lời nói hai lưỡi vậy. Kể đến lời nói hung dữ. Lời nói hung dữ, là lời thịnh nộ, mắng nhiếc người, ông Tuân Tử nói : Một lời nói, có thể hại người lắm hơn gươm dao. Như vậy thì nhà Nho không bao giờ đức Khổng Tử không cấm ngăn lời nói hung dữ.

3/ Đức Phật dạy tín đồ phải giữ ba nghiệp của ý mình cho được trong sạch, đừng sân đừng si. Đức Khổng Tử nói : Thấy việc người ta làm ơn, thời mình phải lo trả nghĩa, đó là Khổng Tử răn học trò ngài đừng có oán tham. Đức Khổng Tử lại dẫn nhắc cái hạnh tốt của ông Bá Di, ông Thúc Tề là người không để tâm nghĩ đến cái thù xưa (*bất niệm cựu thù*). Đó là nhà Nho đức Khổng Tử răn cấm những kẻ học trò ngài, không muốn có những tính cách sân hận. Ngài lại muốn học trò ngài có những tính cách thông minh, cho nên ngài nói câu “Khôn nhi bất học, dân tư vi hạ”. Nghĩa là : *Đốt mà không học, ấy là dân bậc hạ*, thế là nhà Nho đức Khổng Tử phàn nàn răn việc ngu si triệt để.

Do đây mà nói thời đạo Nho cùng với đạo Phật chưa từng có lúc nào chẳng đồng vậy. Song chẳng đồng là đạo Nho thì chỉ nói về pháp thế gian, dạy đời như là : chính tâm, tu thân,

tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, chỉ nói trong một đời hiện tại rồi bao nhiêu cũng đổ trút về cho ông Trời.

Còn đạo Phật, chẳng những nói về pháp thế gian mà lại còn dạy về pháp xuất thế gian (ra ngoài đời), và biết đến các việc nhiều kiếp, thấy rõ nguồn cơn nhân duyên nghiệp báo của chúng sinh nhiều đời nhiều kiếp luân hồi trong lục đạo và rồi tại làm sao tu phương pháp gì mà dứt nghiệp báo luân hồi sinh tử và thành ngôi đạo Vô thượng Bồ đề Chính đẳng Chính giác như các Đức Phật.

Thế mới nói đạo Phật với đạo Nho không đồng là vậy. Vậy muốn biết chỗ sở trường của đạo Phật thắng diệu như thế nào, thời cần nên xem kinh Lăng Nghiêm, Lăng Già, Viên Giác, Kinh Vô Cái Chương Bồ Tát Sở Vấn, và hiểu nghĩa lý của bộ Kinh Kim Cang, thì tự nhiên hiểu thấu đạo Phật, còn chưa được như vậy, thời khoan vội chê đó.

Nếu không biết mà chê, thời bị câu đức Không Tử quở rằng : “Bất tri nhi tác, khả bất giới tai, khả bất giới tai”. Nghĩa là : *Không biết mà làm khá chẳng răn u ! Khá chẳng răn u !* Đúng như thế thời lời nói Đức Phật Thích Tôn đáng tin lắm, lời nói của Ngài đáng tin thời cái thuyết Tịnh độ của Ngài nói lẽ nào không tin ?

Chỗ gọi rằng pháp xuất thế gian, pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ là hơn hết. Thế nào, người đời sao mà chẳng gắng vậy, tiếc thay ! Uổng thay !

4/ Kẻ hoặc hỏi ông Vương Nhật Hưu : Tại sao đạo Phật là đạo bình đẳng, mà Ngài lại phân biệt đạo Phật lại cao hơn đạo Nho ? Đáp rằng : Đạo Nho là đạo trong thế gian chỉ nói trong một đời. Còn đạo Phật là đạo xuất thế gian, luận đến những việc nhiều đời nhiều kiếp, tự nhiên phải cao hơn. Đạo Nho ví như ngôi sao. Đạo Phật dụ như mặt trời. Mặt trời không chấp nó sáng, mà ánh sáng của mặt trời tự nhiên phủ lấp ngôi sao vậy thôi. Hơn nữa đạo Nho, nếu cao bằng đạo Phật thì đạo Nho là đạo Phật, có chi còn phân biệt Phật với Nho.

Huống chi Đức Phật dạy : “Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh”. Nghĩa là : *Tất cả chúng sinh đều có tánh Phật*. Tuy đồng có tánh Phật, nhưng có tu mới thành vị Phật, thành Phật thời vượt ngoài thế gian. Còn không tu thời vẫn ở trong vòng luân hồi lục đạo làm loài chúng sinh, làm chúng sinh thời là phải ở trong thế gian, rồi bây giờ ông cứ bảo, chúng sinh cũng bình đẳng, cũng ra ngoài thế gian như Phật, thì làm sao nghe được ?

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN

THỨ NĂM

Trong đời có người chuyên tu về phép tham thiền nói Tâm là Tịnh độ đâu có Tịnh độ nào. Tánh là Di Đà, bất tất câu thấy Di Đà nào nữa.

Lời ấy mới nghe qua tưởng như là phải, mà xét lại thời không phải. Vì sao ? Bởi cảnh Tây phương Tịnh độ, có lý có

sự. Luận lý, thời hể tâm mình tịnh thời tất cả đều tịnh, thật đúng cái nghĩa tâm là Tịnh độ. Luận về sự thời quả có thể giới Cực Lạc, Đức Phật đã căn kẽ dạy rành Ngài đâu có nói vọng.

Nghĩa là người nào cũng có thể thành Phật đặng, đó là tánh mình đã có ông Phật Di Đà, quyết chắc không sai vậy. Nhưng mà bây giờ đây cái tâm chưa đặng thanh tịnh, thời làm sao nói : Tâm là Tịnh độ, Tánh là ông Phật Di Đà ?

Ví như có một thứ cây danh mộc, cây ấy có thể chạm trở hình tượng Phật, hình Bồ Tát cực kỳ xinh đẹp, song cần phải gia công đòi mài khắc chạm. Vậy sau mới thành, chớ chẳng lẽ vội chỉ cây danh mộc kêu là tượng Phật thật khéo, tượng Bồ Tát rất đẹp.

Thế là người tham thiền nói : Tâm là cõi Tịnh độ, Tánh mình là ông Phật Di Đà, bắt tất cần thấy Di Đà nào khác, ấy là không phải lẽ vậy. Lại nữa hoặc tin có Tịnh độ mà chấp Tịnh độ là ở trong tâm mình, không muốn cầu sinh về Tây phương kia vậy. Nghĩa là họ nói : hể tham thiền tỏ ngộ tánh mình, thì cố nhiên bằng Phật, bằng Tổ, Di Đà không đủ ra mắt đó, lời nói ấy cũng quấy nữa. Vì sao ? Lời ấy thật là cao quá cao, nhưng mà không thiết hành cho kịp lời ấy : “Năng thuyết bất năng hành”, nghĩa là : *Nói được mà làm không được*.

Huống chi cõi Tây phương Tịnh độ kia là một cõi không tham, không luyến, không sân, không si. Còn cái tâm ta đây đã không tham, không luyến, không sân, không si chưa ?

Cõi Tây phương Tịnh độ kia : Tưởng áo đặng áo, tưởng cơm đặng cơm, muốn tịnh thời tự nhiên tịnh. Còn cõi ta đây : Tưởng áo mà không có áo thời nó lạnh cứng ruột ta, tưởng cơm là không có cơm ăn thời nó đói thất lòng ta, muốn tịnh mà không đặng tịnh thời nó rộn ràng trong óc ta, muốn đi mà bị sông rạch, hầm hố, chông gai, không thể đi liền đặng, thời nó bút rút trong ý tánh ta.

Thế thì chỗ nói rằng : Tâm là cõi Tịnh độ thật không dễ gì được vậy. Huống chi Đức Phật A Di Đà kia phúc lớn hơn non sông, sức cao trên trời đất, biến địa ngục làm hoa sen, dễ như trở bàn tay, xem thế giới vô tận, gần như ở trước mắt.

Còn phúc đức, sức lực của ta đây, không thể độ mình, e bị nghiệp nặng kéo trước, mà phải đọa vào địa ngục đấy chứ ! Đâu có thể biến địa ngục làm hoa sen ư ? Kìa những việc cách vách, còn có khi không ngó thấy là khác. Huống nữa là thấy thế giới vô tận à ? Thế thì chỗ nói : Tánh mình là ông Phật Di Đà, thật không dễ gì được vậy.

Vậy thời tâm là Tịnh độ, mà rốt cục chưa được như cõi Tịnh độ. Tánh mình là Phật Di Đà mà rốt cục chưa được Di Đà. Thì đâu nên khinh cõi Tịnh độ mà không tin, bỏ Đức Di Đà mà chẳng muốn ra mắt ư ?

Thế cho nên, người tu pháp môn niệm Phật cầu sinh Tây phương ra mắt Phật Di Đà, cầu đắc đạo thời rất dễ. Bằng cứ ở thế giới ngũ trược này, muốn tham thiền cầu tỏ ngộ tánh mình, hơn Phật, hơn Tổ, thật rất khó. Huống chi, người tu pháp môn Tịnh độ không ngại gì những việc tham thiền. Có sao ? Những người tham thiền ắt chê Tịnh độ mà chẳng tu ư ?

Trong Kinh Đại A Di Đà nói : Có vô lượng Bồ Tát ở trong mười phương đều vãng sinh về quốc độ Phật A Di Đà, thì thử nghĩ Bồ Tát kia còn muốn vãng sinh. Còn chúng ta là người bậc nào, mà không trông mong về cõi ấy ? Hay là có lẽ ta hơn các vị Bồ tát kia chẳng ?

Do đây mà nói : Tâm là Tịnh độ, Tánh là Phật Di Đà, thực lời to mà chẳng thiếu yếu cao mà không rớt ráo vậy. Những người tu chưa đến bậc ấy (*tâm và tánh*) nghe lời đây thì lầm lắm vậy.

Chi bằng cứ bước từng bước một đi lần đến chỗ thật, niệm Phật tu hành thời người người ắt sinh về Tịnh độ, mau khỏi luân hồi lục đạo. Bây giờ đối với lời nói suông không thật kia, xa nhau một trời một vực vậy.

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN

THỨ SÁU

Đức Như Lai, dùng Phật nhãn thấy những việc vô lượng kiếp về trước và vô lượng kiếp về sau, cho nên những việc từ xưa đến nay, không việc gì mà Ngài không thấy. Và Phật lại

dạy người đừng nói vọng thì quyết chắc rằng Ngài không nói vọng ngữ, dối gạt người đời vậy. Và chính Ngài dạy người đừng chấp ngã, lẽ đâu Ngài lại chấp ngã, để khoe khoang với người, thế nên biết lời nói của Ngài thật đáng bắt chước vậy.

Xét trong Lăng Nghiêm nói : Có mười bậc Tiên đều đặng sống lâu tới ngàn muôn năm, đến khi số tận, lại phải bị luân hồi. Bởi không rõ bản tánh mình sẵn có tánh Phật, nên luân hồi làm chúng sinh trong sáu đạo, mà đạo Tiên là một đạo

Ôm ấp lấy thân, luyện tập lấy thân, cũng như người chấp lấy một vật giả mà không biết bỏ vật giả dối, để cầm nắm vật thật đó vậy !

Cho nên ngài Hàn Sơn Thập Đắc có làm một bài thi như vậy : “Nhiều như đắc Tiên nhân, cấp tợ thủ thi quý, phi nhược Phật gia chi sinh tử tự như, nhi vô sở câu giả”. Nghĩa là : *Dầu tu đặng làm người Tiên khác nào quý giữ thân chết, không bằng tu bên đạo Phật đường sinh tử tự như, mà không câu chấp vậy.*

Vừa rồi, cỡ vài trăm năm sắp lại đây, kể người chúng đặng quả Tiên, thời duy có ông Chung Ly và ông Lữ Đồng Tân, chẳng những ngàn muôn, chính tôi (*Vương Nhật Hưu*) được biết trong số ấy cũng không phải là ít, thế mà rốt cục, cũng đều tử vong, mai vu hạ thổ.

Thiệt uổng lúc bình sinh, luống hao tâm lực rốt cục không ích lợi gì cả. Vậy ai là người muốn cho đặng trường sinh bất tử, thì không phương pháp chi bằng pháp tu niệm Phật cầu sinh về Tịnh độ là hơn hết.

Vì sao ? Bởi người sinh về cõi Tịnh độ số thọ kiếp kiếp đời đời, nên gọi trường sinh bất tử vậy.

Thế mà phần đông, lắm người không biết tu theo pháp môn này, cứ học theo pháp thần tiên, khác nào bỏ hòn ngọc tốt trước mắt, mà mãi đi kiếm những thứ đá vỡ phu há chẳng lầm ư ? Kể hoặc hỏi : Những người tu Tịnh độ sau khi nhắm mắt có chứng nghiệm gì ?

Ông Vương Nhật Hưu đáp : Trong Tịnh độ truyền, có chép đủ những việc cảm ứng của những người tu Tịnh độ đành rành đâu không chứng nghiệm !

Có đâu như bên nhà tu theo pháp thần tiên, hễ có sở đắc chút chi, thời dấu kín (*bí mật*), không dám truyền ra và nói sợ tiết lậu thiên cơ mà có tội.

Còn đạo Phật thời pháp môn của Đức Phật dạy truyền mãi cho người đời biết, để tu hành. Thế mà sợ truyền không rộng rãi nữa kia. Bởi mục đích muốn độ tận chúng sinh, nhiên hậu dĩ mới mãn nguyện.

Thế là chỗ rộng lớn của đạo Phật thật không thể lường, không phải phép thần tiên kia, mà hằng sánh kịp vậy.

Lại có kẻ thưa rằng : Tôi là người phàm đâu dám trông mong về Tịnh độ mà làm Phật, vậy tôi thiệt có lòng đó lại e là vọng tưởng ? Chẳng phải thế đâu, ông Phật đó là tánh giác mình, cõi Tịnh độ là cái tâm mình. Lòng ấy ai mà chẳng có, hễ giác là Phật, mê là chúng sinh vậy.

Người bỏ giác tánh hiệp sáu trần, luân hồi ba cõi, bốn loại sáu đường, gây nghiệp lành dữ, quả báo tốt xấu, đều bởi nhìn tứ đại đó là thân ta, sáu trần thiệt có, theo mãi cảnh đời, ngày đêm trôi nổi chẳng chịu xét suy đặng trở lại chỗ sáng, mà ăn chay niệm Phật.

Thì từ khi sinh đến lúc già, chỉ lo gia nghiệp chẳng rồi, của cải tuy nhiều cũng chẳng vừa lòng, càng nhiều càng cầu lòng tham chẳng đầy.

Tuy nói làm lành thờ Phật, đánh lễ đốt nhang làm phúc chỉ nguyện giàu có, sang cả, sống lâu đừng chết, mới làm chút đỉnh sự phải và phục nguyện vài điều, thì cầu cho lúa gạo đầy kho, tầm tơ vạn bội, con cháu vinh hiển, trâu ngựa sinh nhiều. Rủi xảy có điều chi chẳng vừa lòng, thì họ oán Phật sao không bảo toàn, họ chỉ muốn mỗi ngày của tới thường thường, thì mới nói vị thiên long cảm ứng, tham cầu như vậy mới gọi là vọng tưởng chứ ! Đâu có phải cầu sinh Tịnh độ gọi là vọng tưởng ư ? Và chẳng trong lời sám của đức Phổ Hiền Bồ Tát có nói rằng : Nguyện tôi đến lúc lâm chung, trừ hết việc chướng ngại, trước mặt thấy Đức A Di Đà, đặng sinh về cõi an vui là phải vậy.

TỊNH ĐỘ KHỞI LÒNG TIN

THỨ BẢY

Có người không tin nhân quả, nhân đó không tin Tịnh độ luôn. Và chẳng nhân quả đâu khá chẳng tin ?

Kinh Nhân Quả nói : “Yêu tri tiền thế nhân, kim sinh thọ giả thị, yếu tri hậu thế quả, kim sinh tác giả thị”. Nghĩa là : *Muốn biết nhân đời trước, coi đời nay thọ quả gì đây, muốn biết quả đời sau, coi đời nay ta tạo cái nhân gì đó.* Nếu không tin lời này, sao chẳng lấy những việc trước con mắt mà xem thử :

Người đời sở dĩ có người giàu, có người nghèo, có người làm chủ nhà, có người làm đầy tớ, có người ăn không hết, có người bòn không ra, có người ở nhà rộng năm căn bảy lớp, có kẻ lại ở sân hè xó chợ, có người vui, có kẻ buồn, có người sống lâu, có người chết yểu v.v... mỗi mỗi không đồng.

Tuy nói rằng số mạng do nơi trời, nhưng xét cho đúng lý, Trời đâu có riêng tư cho ai ư ? Bởi vì người đời trước tạo cái nhân chẳng đồng nên đời nay hưởng thọ quả báo cũng không đồng, mà trời thì là chủ chứng cho vậy thôi.

Thế cho nên cái thân này, kêu bằng cái thân quả báo. Thế nào là quả báo ? Nghĩa là : Đời trước ta gây tạo cái chi, đời nay sinh cái thân này, để chịu quả báo ấy, chứ Trời nào có dung cho cái Tâm ta được ư ? Vì sao ? Ví như người đời, hoặc người có công, hoặc người có tội với triều đình vậy, có công thìặng thưởng, còn có tội thì phải trừng.

Đời trước ta tạo cái nhân thiện ác gì đây, nên đời này phải chịu cái ảnh hưởng, hoặc hưởng phúc, hoặc mang họa, để đền bù lại, đó gọi rằng trả quả vậy.

Kìa như những người nào tạo thiện nhân được thuần thực, thời bây giờ hưởng phúc được hoàn toàn.

Còn như những người nào đời trước tạo nhân nửa thiện nửa ác, thời đời nay cũng tùy theo mà lấy những sự ảnh hưởng ấy. Bởi vậy mới có người đầu tắt mặt tối, làm đổ mồ hôi rơi nước mắt mà cũng không đủ cơm ăn áo mặc, lại có kẻ

ăn rồi thả rông, không làm gì động móng tay, lại cũng quần này áo kia, nay ăn cao lâu, mai ăn tiệt nọ tiệt kia.

Bởi thế trong kinh có nói rằng : “Giả sử bá thiên kiếp sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hườn tự thọ”. Nghĩa là : *Ví dầu trăm ngàn kiếp mình làm việc chi cũng chẳng mất, nhân duyên lúc gặp gỡ, quả báo lại mình chịu.*

Nhân nào quả ấy, như bóng theo hình, vang theo tiếng dội, hào ly không hề sai chạy, vậy cho nên có câu : “Chúng đào đắc đào, chúng lý đắc lý”, nghĩa là : *Trông đào thời đặng đào, trông lý thời đặng lý.* “Vị hữu chủng ma, nhi đắc đậu, chủng mạch nhi đắc tắc giả”, nghĩa là : *Chưa có khi nào trông mè mà đặng đậu, hay là trông bắp mà đặng lúa bao giờ.*

Duy có lúc trông thì ít mà lúc thu gặt thời nhiều. Ví dụ như lúc trông chỉ có một hột lúa, mà lúc hái thời được nhiều hột lúa, trái lại việc thiện ác, họa phúc cũng vậy.

Lúc làm cái thiện hoặc cái ác không bao nhiêu, mà lúc sau hoặc hưởng, hoặc chịu tội, cũng đầy đầy nên có câu : “Xuân chủng nhất liệp túc, thu thu vạn quả tử”, nghĩa là : *Mùa Xuân gieo một hột, mà mùa Thu thu được nhiều hột.*

Người đời tạo thiện ác, cảm thọ sự quả báo cũng như vậy, không hơn không kém, ấy là lý tự nhiên như thế, chớ không phải Thượng đế nào thưởng phạt ta đặng. Lại nữa thử hỏi :

nếu nói không có nhân quả hiện tại, thì thử nghĩ tại sao những kẻ trộm cắp sát nhân, sợ gì mà lại phải trốn tránh ? Ấy rồi có khi nào, kẻ sát nhân trộm cướp có tránh khỏi những ác nghiệp của họ đã làm không nào ?

Trong Kinh Niết Bàn nói : Nghiệp báo có ba điều : một là Hiện báo, hiện đời nay làm nghiệp lành dữ, hiện chịu quả báo khổ vui đời này. Hai là Sinh báo, hoặc kiếp trước làm nghiệp, đời sau chịu quả báo, hoặc đời nay làm nghiệp đời sau chịu quả báo. Ba là Tốc báo, trước mắt gây việc bèn thấy mắc quả báo.

Vậy xét trong một lần nữa : những người đã thọ cái nhân không tốt, nên mắc lấy cái quả khổ là một tội rồi, mà bây giờ đổ thừa cho trời khiến, trời phạt, ấy là chồng thêm một tội vu oan là hai tội, khác nào kẻ không cẩn thận để lửa cháy nhà rồi đổ thừa họ Toại nhân xưa bày kéo lửa, người trí không bao giờ tin quấy, nói lầm như thế vậy.

Vậy thì đủ chứng minh cho cái lý nhân quả này đáng tin. Vả chẳng một đứa bé thơ có tội tình gì mà mới lọt lòng mẹ lại phải chịu tật nguyên ? Hoặc đui hoặc dư thiếu tay chân hoặc không biết đi biết đứng, nói cười, thì thử hỏi cái mầm gốc ấy tự nơi đâu mà sinh ra ?

Vậy thì cái lý nhân quả này đáng tin, thời cái thuyết Tịnh độ Đức Phật nói chắc khá đáng tin. Vì sao ? Bởi hai thuyết cũng là một lời Phật nói vậy, Phật nói lý nhân quả đã rõ ràng

như hai với hai là bốn chắc như thế, thời cái thuyết Tịnh độ Đức Phật nói : Không bao giờ Ngài nói vọng vậy.

Đây là nhân người không tin nhân quả mà rồi cũng không tin thuyết Tịnh độ luôn, cho nên bài này tôi (*ông Vương Nhật Hưu*), phân giải chỗ lầm đó vậy.

TỊNH ĐỘ KHỎI LÒNG TIN

THỨ TÁM

Có người thấy những việc thiện ác trước mắt chưa có quả báo, nhân đó mà không tin cái lý nhân quả, và không tin có cõi Tịnh độ. Đâu có biết, thiện ác chưa có quả báo, tuy chưa có chớ không phải là không vậy, chỉ vì sớm với muộn mà thôi.

Thí như kẻ cướp và người làm công siêng năng cần mẫn, thì được chủ yêu vì, mà lại đăng lên lương thăng chức, còn kẻ cướp kia không kíp thì chầy cũng phải sa vào lưới pháp luật rồi một ăn ít, hai phải trả nhiều năm lao tù khổ cực, ấy đó cũng là một cái hiện tiền nhân quả.

Đức Phật từng kêu ông A Nan mà bảo rằng : “Này A Nan ông có biết vì sao, có người đời nay làm lành mà chết đọa địa ngục, lại có người đời nay làm ác mà chết được sinh lên thiên đường không ?”.

Ông A Nan bạch Phật, con thiệt không biết có làm sao cúi xin Như Lai từ bi chỉ giáo.

Phật bảo này A Nan, những người đời nay làm lành mà chết đọa vào địa ngục đó, là cái lành đời nay chưa thuần thực, mà cái ác đời trước đã thuần thực vậy.

Những người đời nay làm ác, mà khi chết được sinh lên thiên đường, đó là cái ác đời nay chưa thuần thực, mà cái lành đời trước đã thuần thực vậy, sở dĩ cái nào thuần thực trước thời là đi chịu quả báo trước. Ví như người thiếu nợ, mỗi nào gặp đòi thời trả trước.

Họ Tả thị là bộ sách Xuân Thu nói : Ông Lãng Võ Tử có đức để lại cho con ông là người Âm, cho nên người Âm tuy làm ác, mà có thể khỏi được họa hại; còn con người Âm là thằng Đinh hết sức làm lành mà rốt cuộc bị cái ác của Âm lây lụy đến đổi đời Đinh phải chịu, cho nên Đinh tuy làm lành song sống mà rồi phải mắc nạn.

Song những việc thế gian, thiện ác, quả báo, ngó thấy trước con mắt còn như thế, huống chi những việc cách đời, làm sao biết được. Cho nên phương ngôn thường có câu : “Đời xưa trả báo thời chầy, đời nay trả báo một giây nhãn tiền”.

Thật quả như vậy có người lúc trước hồng hách bao nhiêu, bây giờ lại hiền lành bấy nhiêu, bởi vì hồi nào còn của còn quyền, kêu dân dân dạ, bây giờ dạ dân, ấy đó cũng là một quả báo ! Vậy ta đem một thí dụ mà suy nghiệm thì đủ chứng tỏ coi có quả báo không vậy ?

Ví như thân ta đang có bệnh ghê ngứa, đến lúc tới cơn ngứa thì ta gãi có phải nó đã ngứa lắm ư ? Ấy mà sau khi đã sự ngứa ngấm rồi, thì có phải nó đau nhức nhối lắm không ? Mà sự đau nhức mới lại khó chịu hơn lúc ngứa ngấm, ấy đó cũng là một quả báo, nếu khi cơn ngứa mà ta dần tâm đừng gãi thì đau đến nổi nhức nhối đau đớn sau khi ! Cứ suy như thế thì đủ biết, dù ở trường hợp nào cũng có sự báo ứng, dù thiện dù ác, đều có sự quả báo đi đôi, nên phương ngôn có câu rằng : “Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí”, nghĩa là : *Cái phúc thì không đến cho ta hai lần, chớ cái họa thì bao giờ cũng chực chờ trước ngõ.*

Bởi vì ta làm việc phải trong một xóm thì ít ai khen, nhưng không mắc họa, chí ư, ta thử làm một chuyện quấy thì cả xóm nhao nhao, nếu không tù rạc thì cũng đồn bộng tiếng tăm.

Đó là làm lành sẽ gặp lành, còn làm ác gặp ác, thì không phải quả báo chớ chi ?

Trong kinh thơ lại nói : “Thiên đạo phúc thiện họa dâm”, nghĩa là : *Trời ngài giáng phúc cho người lành, giáng họa cho kẻ dữ (tiếng nói Trời là chỉ cho công lý).*

Cho biết đời trước, chỗ làm có lành có dữ nên đời nay dùng họa phúc mà đền đó. Chỗ bởi chẳng đặng trọn việc lành, nên chẳng đặng trọn hưởng phúc.

Bởi vậy mới có giàu sang mà khổ chết yểu, có người nghèo hèn sống lâu đặng vui vẻ, có người sang yêu mà bị nhục, có người thấp thỏi mà an nhàn, có người tuổi nhỏ thi đỗ cao khoa, có người thi không đậu, có người tiền gạo đầy dẫy mà không con trai con gái, người nghèo mặt ghét con, mà lại sinh con liền liền, có người sao lại chồng chết trước vợ còn sống, vợ chết mà chồng sống, có người con mà lại chết trước cha mẹ ông bà, có người vui trước mà sau lại khổ, có người khổ trước mà sau lại vui, có người trước sau vui mà ở giữa chừng lại khổ, có kẻ trước sau khổ giữa chừng lại vui, có người trọn đời vui vẻ, có kẻ trọn kiếp lại buồn.

Nếu không tin có nhân quả vậy chớ mấy có nói trên bởi đâu mà ra ?

Phải biết việc lành dữ rõ ràng nhân quả chẳng mất. Phật nói chắc đoán nhân quả, ắt không nói dối việc nơi cõi Tây phương. Vả luận thân đứng làm người, phải biết việc phải quấy, biết việc liêm sỉ, tin việc nhân quả, sợ việc tội phúc, xét việc lành dữ, phân lẽ tà chính, trên chẳng hờn trời, dưới chẳng trách người, sang hèn chẳng hay động lòng, đặng mất chẳng hay rùn chí, ở chỗ giàu sang chẳng vui, rủi nghèo hèn chẳng buồn, tới lui biết tự lượng sức gánh việc, đáng dùng đó thời làm, đáng bỏ đó thời bỏ, ngay thảo nhân từ, trước sau chẳng dối. Như thế chẳng là quân tử, là bậc đại hiền chớ chi ?

Ông Lão Tử nói : “Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu”, nghĩa là : *Lưới trời lồng lộng tuy thưa mà chẳng lọt*, chính tam

giáo đều đồng một lý đây, nhưng chỉ có chậm và mau vậy thôi đâu nên lấy việc trước mắt chưa thấy mà vội cho rằng không có quả báo, không có nhân quả, mà rồi không tin có cõi Tịnh độ vậy ?

TỊNH ĐỘ KHỎI LÒNG TIN THỨ CHÍN

Kẻ hoặc nghi hỏi : Người trong cõi này niệm Phật, bên Tây phương trong ao thất bảo thế nào lại mọc lên một đóa hoa sen ?

Ông Vương Nhật Hưu đáp : Việc ấy dễ hiểu chẳng khó gì. Ví như một cái minh kiến, phàm có vật chi đến, liền hiện bóng trong đó, kiến kia nào từng chẳng có tâm dung nạp, bởi kiến kia cũng là lẽ tự nhiên vậy thôi.

Trong cõi nước Đức Phật A Di Đà một màu thanh tịnh trong sạch, tự nhiên chiếu thấy mười phương thế giới, cũng như minh kiến kia, xem thấy mặt mày.

Cho nên người cõi này niệm Phật, thời bên cõi Tây phương trong ao thất bảo tự nhiên sinh ra một đóa hoa sen không đủ nghi vậy.

Kẻ hoặc lại nghi hỏi nữa : Niệm thân chú vãng sinh Đức Phật A Di Đà thường đứng trên danh, vệ hộ người đó, nếu vô

lượng chúng sinh niệm thần chú ấy, Đức Phật A Di Đà đâu hay khắp, đứng trên đảnh người kia mời ?

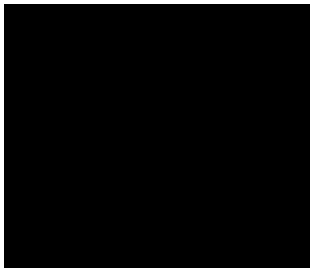
Đáp rằng : Đó cũng tự nhiên vậy. Vì sao ? Ví như trên trời chỉ có một mặt trăng, mà phổ hiện trong tất cả lũng nước, đâu chẳng phải tự nhiên ư ?

Có người đương tu hành tinh tấn lại nghi hỏi : Người niệm Phật khi lâm chung, Phật và Bồ tát đến rước, và như trong mười phương thế giới có vô lượng chúng sinh cũng tinh tấn niệm Phật, Phật đâu biết kỳ lâm chung kia, mà đến rước cho hết.

Đáp rằng : Cũng tự nhiên vậy. Ví như trên không trung có một mặt trời khắp chiếu tới vô lượng thế giới nước này qua nước khác đâu chẳng phải là lẽ tự nhiên chớ gì ?

Hướng chi oai thần Đức Phật, chẳng phải như thế lực mặt trời mặt trăng vậy, thời sự khắp đứng trên đảnh, khắp biết thời kỳ lâm chung, nào đủ nghi vậy.

HẾT QUYỂN NHẤT



QUYỂN NHÌ**CHỨC QUỐC HỌC TẤN SĨ****ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN****LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI :**

Ta xét trong Đại Tạng có bộ :

Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đăng Giác Kinh.

A Di Đà Quá Độ Nhân Đạo Kinh.

Vô Lượng Thọ Kinh.

Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh.

Trong bốn bộ này gốc cũng là một bộ, song người dịch chẳng đồng, nên mới đặt ra các tên bốn bộ, trong đó câu văn và chữ viết có sai lạc nhiều lắm, nhưng tôi đã có giáo chính và cũng đã khắc bản ấn hành lâu rồi.

Hôm nay tôi rút trong bốn bộ nói trên và các kinh truyện khác làm lời tổng yếu, để cho những người muốn tu Tịnh độ dễ hiểu, để thực hành làm theo.

**TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU
THỨ NHẤT**

Nói tóm lại trong Đại Tạng, chẳng những có mười ngoài bộ kinh, nói về việc Tây phương Tịnh độ. Lời đại lược trong các bộ nói, cõi kia, toàn dùng bảy báu trang nghiêm không có

địa ngục, ngạ quỷ, và cầm súc cho đến loài bò bay máy cưa. Thường được thanh tịnh tự nhiên, không còn tất cả tập ác, cho nên kêu là cõi Tịnh độ.

Người trong cõi này trong hoa sen sinh ra, sống mãi không già, ăn mặc cửa nhà tùy ý muốn đều hiện ra, cảnh tượng ấy vẫn trường xuân, không còn có nóng, rét, hoàn toàn khoái lạc không có chút khổ, cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Tên Đức Phật ở thế giới ấy, hiệu là A Di Đà, A Di Đà là tiếng Phạm ngữ (A-mi-ta Bu-đa)

Theo tiếng nói nước Trung Hoa dịch là Vô lượng. Bởi do hào quang Đức Phật kia chiếu khắp mười phương thế giới không có hạn lượng.

Phàm chúng sinh phát tâm niệm Phật, không một chúng sinh nào mà Ngài không soi thấu cho nên lại có tên là : Vô Lượng Quang Phật.

Thọ mạng Đức Phật kia, cùng nhân dân trong nước ấy đều không có hạn lượng. Dù kiếp số hà sa còn có hết, chớ số thọ mạng kia không bao giờ cùng tận. Cho nên có tên là : Vô Lượng Thọ Phật.

Đức Phật kia có đại thế, nguyện độ người, oai thần Ngài thật bất khả tư nghị ! Cho nên người nào chí tâm tin hướng niệm danh hiệu Ngài, hiện đời được tiêu tai, tiêu nạn, dẹp trừ được loài quỷ quái oan khiên, thân tâm được yên tịnh. Tăng

thêm phúc thọ cảm đến bên Tây phương kia, trong ao thất bảo tự nhiên sinh một đóa hoa sen, một ngày nọ gá sinh trong đó, mau thoát khỏi cõi luân hồi.

Những chuyện như đây, đều có sự tích không phải lời bịa đặt hoang đàng dôi gạc.

Cái thuyết niệm Phật, rất dễ làm, cả trong Đại Tạng, có tám vạn bốn ngàn pháp môn, tóm tắt, những pháp môn cho dễ tu hành, thời không có pháp môn nào bằng pháp môn Tịnh độ. Thế mà, người hoặc không biết, đáng thương đáng tiếc ! Nhưng biết mà không làm, lại càng thương tiếc vậy !

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ NHÌ

Trong Kinh Đại A Di Đà nói : “Đức Phật Thích Ca, một bữa dung nhan khác thường. Thị giả là ông A Nan thấy lấy làm lạ hỏi. Phật bảo hay thay lời ông hỏi, công đức nhiều hơn đem cả của bảy báu cúng dường tất cả thế giới (*thiên hạ*) nào Thanh Văn, nào Duyên Giác, và bố thí bao nhiêu chư Thiên, nhân dân, hẳn hẳn đến loài quỳên phi xuân động, trải qua nhiều kiếp, và hơn trăm nghìn muôn kiếp công đức nhiều biết bao, thế mà không thể kíp một phần công đức của ông hỏi đây !

Sở dĩ vì sao ? Bởi chư Thiên, Đê Thích nhân dân, cho đến loài quỳên phi xuân động, đều nhờ câu hỏi của ông mà được đạo, độ thoát.

Do đây xem đó, thiết Đức Phật Thích Ca khi muốn nói hạnh nguyện Đức Phật A Di Đà, còn trong tâm mà đã lộ bày ra ngoài sắc mặt, khác với lúc bình thường thời đủ biết Đức Phật A Di Đà, sờ dĩ cảm đến chư Phật một cách phi thường.

Huống chi cảm tất cả chúng sinh ư ? Chúng sinh chưa được độ thoát, nhờ ông A Nan hỏi, Phật trả lời mà được độ thoát.

Ấy là trên từ chư Thiên Đế Thích, dưới đến loài quỳên phi xuẩn động đồng một hạng còn ở trong vòng luân hồi, chưa được độ thoát, nay nhờ nghe đại nguyện đại lực Đức Phật A Di Đà mà được độ thoát vậy.

Lời nguyện ban đầu, Đức Phật A Di Đà rằng : Đến khi ta thành Phật, danh tiếng ta đồn khắp mười phương. Người, Trời, vui mừng đặng nghe, thời đều được sinh về nước ta vậy. Ngài lại nói : “Chẳng những loài người, mà là tất cả loài địa ngục, ngạ quỷ, và súc sinh cũng được sinh về trên nước của ta nữa”.

Thế là tất cả lục đạo chúng sinh luân hồi trong ba cõi, không một chúng sinh nào mà không nhờ Đức Phật A Di Đà từ bi tế độ, thì đủ biết vậy.

Cho nên kinh này Di Đà nói : Đức Phật A Di Đà hiện ở cõi Tây phương Cực Lạc thế giới, mà cũng ở trong mười phương thế giới khác giáo hóa vô ương số, chư thiên, nhân

dân, dĩ chí loài quỳên phi xuân động, đâu đâu cũng đều được siêu độ và giải thoát.

Quỳên phi xuân động : Loài bò bay, máy cưa. Loài bò bay máy cưa, mà Đức Phật còn tế độ. Huống chi người thực là hạnh nguyện quảng độ chúng sinh của Đức Phật A Di Đà, không thể cùng tận.

Phàm người nhất niệm quy y, thời liền sinh về nước Ngài không còn nghi vậy.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ BA

Trong Kinh A Di Đà lại nói : Vô lượng số kiếp về trước có một Đức Phật hiệu là Thế Tự Tại Vương ra đời, hóa độ chúng sinh, khi đó một ông vua nước lớn, đến nghe pháp tỏ ngộ liền bỏ ngôi vua đi xuất gia tu hành hiệu là Pháp Tạng Tỳ Kheo (*tức là Phật A Di Đà*).

Đối trước Phật Thế Tự Tại Vương phát 48 lời đại nguyện. Nguyện nào nguyện nào cũng đều một mục đích cứu độ chúng sinh.

Phát nguyện rồi, Ngài tinh tấn tu hành thoát khỏi sinh tử, vào quả vị Bồ Tát. Khởi sinh tử là đối với sự sinh tử tự như vậy. Vào quả vị Bồ tát là : trong thời tu huệ, ngoài thời tu phúc vậy.

Tu Huệ là trau dồi huệ tánh, càng ngày càng xán lạn, đến khi thành Phật, thời huệ tánh trùm khắp cả hư không thế giới, không chỗ nào không biết, không chỗ nào không thấy.

Tu Phúc là gá sinh trong tất cả mọi loài đồng hình thể, đồng tiếng nói, lập phương pháp giáo hóa, cho nên trên từ vị Đệ Thích, dưới cho đến loài trùng kiến vi tế, đều gá sinh trong đó cả.

Như vậy, vô lượng, vô số kiếp lại đây, lập pháp giáo hóa chúng sinh. Vả chẳng lập phương pháp như thế, đâu không phải đặng phúc.

Nhưng đặng phúc mà không thọ dụng, cho nên phúc càng chứa, càng chứa thì càng lớn, càng lớn càng lâu, càng lâu thời tràn khắp cả hư không thế giới vậy.

Phúc lớn thời oai thần lớn. Ví như người đời làm lớn, thời thế lực lớn.

Do oai thần ấy, không chỗ nào chẳng đặng, cho nên mới đặng thành tựu đại nguyện, vì thành tựu đại nguyện cho nên được chứng vào ngôi vị Phật vậy.

Từ lời nguyện ban đầu, đến lời nguyện cuối cùng không lời nguyện nào mà không cứu độ chúng sinh.

Song nay Ngài đã thành Phật trên mười đại kiếp rồi, hẳn không trái nguyện độ sinh. Thế nên người nào một lòng tín

hương, niệm danh hiệu Ngài hiện đời ắt nhờ phúc giúp, thân sau chóng sinh về thế giới Cực Lạc. Người hay chuyên lòng tưởng hình tượng Ngài hiện đời cũng được thấy chân dung Ngài. Bởi oai thần Phật không chỗ nào chẳng có mà người tâm hằng niệm Phật cho thuần thục thời tự nhiên cảm ứng, cho nên Phật hiện thân vậy (*sự tích này quyển thứ 5, có nói*).

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ TƯ

Trong Kinh A Di Đà nói : Đức Phật A Di Đà trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp, tu hạnh Bồ Tát, nhẫn lực đã thành tựu, chẳng màng các sự khổ, thường hiện nhan sắc tươi hòa, và lời nói êm ái, làm lợi ích chúng sinh, khéo giữ khẩu nghiệp không chê nói lỗi người, khéo giữ thân nghiệp, không sai phép tắc. Khéo giữ ý nghiệp trong sạch không nhiễm, trong tay thường phóng ra, tất cả y phục, tất cả ẩm thực, tất cả tràng phan bảo cái, tất cả âm nhạc và tất cả đồ cần dùng tối thượng.

Đem thí cho tất cả chúng sinh, làm cho chúng sinh được tâm hoan hỷ và nghe lời giáo hóa Ngài.

Cho nên vô lượng, vô ương số chúng phát tâm Vô thượng Bồ đề. Ngài thi hành từ hạnh như vậy, vô lượng vô số, trăm nghìn muôn ức kiếp, công đức đầy đủ, oai thần lừng lẫy, mới đặng thành tựu sở nguyện mà vào ngôi chính giác. Do đây mười phương vô ương số thế giới chư thiên nhân dân, nhẫn

đến loài quỳên phi xuân động, không một loài nào mà chẳng nhờ lòng từ bi Ngài tế độ.

Sở dĩ ta dùng một niệm quy y, bèn sinh về nước kia, đều ở trong hoa sen, trong ao thất bảo sinh ra tự nhiên khôn lớn, cũng không đợi phải có người cho bú và nuôi ăn, cơm tự nhiên tương có, dung mạo hình sắc đoan chính tươi đẹp, chẳng phải người cõi này sánh đặng, cũng chẳng phải người trời bì kịp ! Thân thể tự nhiên trong sáng, nhẹ nhàng, sống lâu vô cùng cực.

Khắp cả trong cõi, toàn là người bậc thượng thiện nhân, hẳn không hàng phụ nữ. Đều thọ mạng vô ương số, có Thiên nhân thông thấy suốt, Thiên nhĩ nghe cùng xa mấy cũng thấy, nhỏ mấy cũng nghe, một hạng người cầu đạo “Thiện”, không hạng người khác. Dù trải qua muôn kiếp, những việc từ lâu hẳn lại, không việc nào mà không biết rõ.

Lại biết tới mười phương thế giới, những việc đời quá khứ đời vị lai và đời hiện tại. Lại biết vô ương số, trên trời dưới trời, nhân dân, hẳn đến loài quỳên phi xuân động, tâm muốn nghĩ gì, miệng muốn nói gì, và lại biết những chúng sinh ấy, đến kiếp nào, năm nào, tháng nào, ngày nào đều được độ thoát kiếp, lên làm người và đặng sinh về thế giới Cực Lạc. Do vì được huệ tánh của Phật nên mới thấy biết được như vậy.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ NĂM

Trong bộ truyện Tịnh độ nói : Đức Phật A Di Đà, cùng Quan Âm, Thế Chí hai vị Bồ tát, ngồi thuyền Đại nguyện, qua biển sinh tử đến thế giới Ta bà này, kêu rước những chúng sinh lên thuyền Đại nguyện đưa về cõi Tây phương, những người chịu đi không người nào mà chẳng sinh về vậy.

Xem đây thì Phật với hai vị Bồ tát, thương xót chúng sinh, trầm luân trong biển khổ, không do đâu ra khỏi đặng, cho nên Ngài dùng sức oai thần, thế nguyện diu dắt người đời về cõi Tịnh độ.

Cũng như kẻ đưa đò kêu hú hành khách lên đò, đưa qua bờ bên kia vậy. Chỉ sợ người không tin vậy thôi, bằng người tín tâm tin chịu, thì dù tội ác đến đâu, cũng có thể vãng sinh về Tịnh độ được cả. Vì sao ? Một là do lời thế nguyện Phật và hai là do lòng thành tín của mình, cho nên nói oai thần Phật, chẳng khá sánh với người phàm vậy.

Vì người phàm chẳng vì thế lực, chẳng cùng ta làm bạn, chẳng có ích lợi cho mình, thì chẳng cùng làm bạn, thế cho nên chỉ làm người phàm vậy.

Bậc hiền nhân quân tử còn chẳng như thế huống nữa là bậc Phật. Vì sao ? Bởi không lòng từ bi, không đủ làm Phật, không té độ chúng sinh, không đủ làm Phật, không có đại oai lực, không đủ làm Phật vậy.

Do vì Đức Phật dữ lòng từ bi, thấy chúng sinh trầm luân trong bể khổ mà muốn tế độ. Do vì Đức Phật có đại oai lực, cho nên hay đem tâm tế độ, bèn thành công tế độ, sở dĩ làm Phật là vậy.

Trong kinh Đại A Di Đà nói : Vị Đại Y Vương hay trị tất cả bệnh, nhưng mà không thể trị lành được cái bệnh của người số tận, cũng như Đức Phật hay độ tất cả chúng sinh, nhưng mà không thể độ nổi những chúng sinh bất tin khá gọi là người cùng vậy, nên có câu : Ông vua phải thua thằng cùng là nghĩa đây vậy.

Phải chăng người có tín tâm, muôn việc thu về một niệm như người khi sống đây, một niệm tâm muốn đi, thời cái thân đứng dậy đi liền. Tâm muốn ở, thời thân bèn ở lại, thế là thân phải tùy tâm niệm.

Song có khi tâm niệm muốn đi, mà thân bị giam cầm nào có đi được. Nhưng thân bị giam cầm là cầm giam lúc sống, chớ khi thân hoại mạng thác, vẫn còn có một tâm niệm mà thôi.

Tâm niệm xu hướng chỗ đó, thời quyết định đi tới chỗ đó, bởi vậy cho nên, lúc ta còn sống đây, hằng ngày ăn chay niệm Phật, tâm niệm cầu sinh về cõi Tịnh độ dù thân bị ràng buộc đến đâu, khi thác thế nào cũng được sinh cõi Tịnh độ.

Huống chi cõi Tịnh độ sẵn có Phật Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, lại dắt dìu rước ta về cõi ấy nữa kia mà !

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ SÁU

Đức Phật A Di Đà có phát lời thề nguyện rằng : “Những chúng sinh nào đã sinh về nước Ta rồi, bây giờ muốn sinh về nước khác cũng đặng như nguyện hễ không còn sa đọa trong ba đường ác đạo nữa”. Vì sao ? Bởi người sinh về cõi Tịnh độ, là người đã được chứng lên bậc vô sinh pháp nhẫn rồi vậy. Và chẳng người mà chứng lên được bậc vô sinh pháp nhẫn rồi, chính là người đã không còn sinh tử nữa vậy. Người đã dứt hết đường sinh tử rồi, thì dù có vào cõi sinh tử, một linh tánh ấy vẫn sáng suốt, không hề mê muội, thời do đâu mà trôi lăn trong ba đường ác ư ?

Luận theo lý, đã quyết định không sa đọa trong ba đường ác rồi, huống chi nhờ sức hộ trì, lẽ cố nhiên sự sa đọa quyết hẳn là không. Cho nên luận như người sinh về cõi Tịnh độ chẳng những trường sinh bất lão, mà lại sống lâu kiếp kiếp đời đời mà đường sinh tử cũng như như bất động.

Cho nên muốn lập phương pháp để giáo hóa tất cả chúng sinh, vào trong tất cả cõi sinh tử của chúng sinh, mà một chân tánh vẫn thường vắng lặng thường sáng suốt, không còn làm mê ngoại vật, không còn nghiệp duyên lôi kéo, mặc dầu ở trong thế giới luân hồi, mà không còn luân hồi như ai, nên gọi rằng : Thế xuất thế gian. Nghĩa là : Tuy ở trong đời mà đã ra khỏi ngoài đời vậy.

Thế cho nên người được vãng sinh về cõi Tịnh độ kia rồi, toàn là người đã được, đường sinh tử như như bất động rồi, lúc bấy giờ muốn sinh qua cõi trời cũng đặng, muốn sinh lại cõi người cũng đặng, muốn sinh trong nhà đại phú quý cũng đặng, muốn sinh vào cõi thanh tịnh cũng đặng, cho đến muốn sống hoài chẳng chết cũng đặng, hay là muốn chết rồi sống trở lại cũng đặng. Tùy ý mình muốn chi, và chi, không việc chi mà không vừa ý muốn (*Tự tại ý dục, vô bất tự tại*) thế, sở dĩ ta muốn một điều quý nhất, là muốn sinh về Tịnh độ vậy !

Người đời không rõ ý muốn như đây, luống ở trong đường sinh tử, muốn sinh trong nhà giàu sang, mà trở lại sinh trong nhà bần tiện, muốn sinh trong cõi khoái lạc, mà lại trở sinh trong cảnh buồn thảm, muốn sinh cho được trường thọ, là cứ sinh rồi bị chết yếu chết non, muốn sinh làm đạo lành mà trở sinh vào ác thú, mỗi mỗi đều bị cảnh ngoài cảm dỗ, duyên nghiệp kéo lôi, không thể tự tại.

Từ vô lượng kiếp mãi đến ngày nay, luân hồi trong lục đạo, chưa có lúc nào ra khỏi. Cứ một niệm tưởng những việc ưu khổ như vậy, quày tâm niệm Phật cầu sinh về Tịnh độ cho dứt hết mọi sự ưu hoạn. Một cõi mọi sự ưu hoạn đã dứt hết, mà không kêu cõi ấy là cõi thế giới Cực Lạc chớ chi ?

Người có trí để ý ngấm ngấm nghiệm xét khá thấy vậy.

TỊNH ĐỘ TỔNG YẾU THỨ BẢY

Ông Vô Vi cư sĩ tên Dương Kiệt, hiệu Thứ Công tuổi trẻ đậu khoa cao, tỏ tông chỉ thiên môn, nói: Chúng sinh căn cơ lợi钝, theo chỗ gần dễ hiểu chỗ gọn dễ làm. Duy có pháp môn Tây phương Tịnh độ, hễ nhất tâm quán niệm, nhờ nguyện lực Phật mau sinh về nước An dưỡng.

Ông, vì ông Vương Mẫn Trọng làm lời tựa bộ “TRỰC CHỈ TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHI” nói Phật A Di Đà phóng quang như mặt trăng tròn sáng lớn chiếu khắp mười phương, nước trong và tịnh thời trăng hiện toàn thể.

Trăng chẳng phải theo nước mà đi mà đến, hễ nước đục xao động, trăng không có ánh sáng, nhưng trăng cũng không bỏ nước mà đi.

Ở nơi nước có trong, có đục, có động, có tịnh, ở nơi mặt trăng thời không thủ, không xả, không khứ, không lai. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm có chép : Ông Trương giả tử nói : Biết tất cả chư Phật cũng như bóng dạn.

Tâm mình dụ như nước. Các Đức Như Lai kia không đi đến cõi này, song ta bằng muốn thấy nước An dưỡng thế giới A Di Đà Như Lai tùy ý liền thấy, cho nên chúng sinh chuyên niệm thì chắc thấy A Di Đà. Bằng sinh cõi Tây phương kia, thời không các sự khổ.

Kinh Ban Châu Tam Muội nói : Ông Bạc Đà Hòa Bồ Tát, bạch Đức Phật Thích Ca rằng : Thừa Đức Đại Giác Thế Tôn ! Chúng sinh đời vị lai sau này, làm sao thấy các Đức Phật trong

QUYỂN BA

CHỨC QUỐC HỌC TÁN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HƯU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HƯU NÓI :

Ông Vương Nhật Hưu dẫn lời ngài Mạnh Tử nói Người ai ai cũng có thể làm hạnh lành như vua Thuấn vua Nghiêu. Ông Tuân Tử nói Người đi ngoài đường cũng kêu là vua Võ được.

Ông Thường Bất Khinh Bồ Tát nói Ta đối với tất cả người, không dám khinh tất cả người, vì tất cả người; nếu tu cũng có thể thành Phật. Thế là người người đều khá làm Thánh Hiền, ai ai cũng có thể làm Phật, thời đủ biết cái pháp môn niệm Phật cầu sinh về Tịnh độ, quyết không có một người nào mà không tu được vậy. Cho nên hôm nay tôi (*Vương Nhật Hưu*) soạn quyển này là quyển Phổ Khuyến Tu Trì (*khấp khuyến ai nấy gắng tu gắng làm*).

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ NHẤT

Kẻ hoặc hỏi đức Khổng Phu Tử rằng Có người sang đổi nhà quên cả vợ chẳng ? Đức Khổng Tử đáp Cũng có lắm người vậy, vua Kiệt vua Trụ thời quên cả thân mình. Nếu dùng đạo nhân xem, thì người đời bây giờ phần nhiều quên cả đời mình

nữa. Vì sao ? Từ sớm mai thức dậy, mở mắt khỏi chỗ nằm. Đến tối tới chỗ nằm nhắm con mắt lại, không đâu là không để tâm lo lắng việc trần lao. Chưa từng tạm xét lấy thân mình, ấy là quên cả thân mình đó vậy.

Vả chẳng, thân người, lấy việc trước mắt mà nói Chi lớn hơn việc đói khát, ắt phải sắm những món uống ăn. Lấy việc quanh năm mà nói Chi lớn hơn sự lạnh, nóng, ắt phải sắm những áo “Cừ” áo “Yết”. Lấy việc trọn đời mà nói Chi lớn hơn đường sinh tử, không lo sắm những món tư lương để đi về cõi Tịnh độ, là sao ư ?

Vả như người có món vàng trăm cân, rủi có đại nạn không thể mang theo ắt phải bỏ vàng mà đi không. Nếu ham tiếc ôm vàng theo thì ắt phải chết. Đời gọi là người ngu si (đại ngu). Thân này rất trọng hơn món vàng trăm cân vậy.

Song ngày bình nhật thời bo bo cầu danh đua lợi, tuy vật nhỏ cỡ trăm đồng tiền, cũng không chịu nói bỏ, mà mình chẳng quý trọng thân mình là sao ư ?

Hoặc người mắng mình là trộm cắp, hoặc nhiếc mình là cầm súc, thời mình uất ức tức giận, có người đến trọn đời oán trách mà không thể nguôi hết, có người đập đánh đến nổi thành ra kiện cáo. Song cái tên trộm cắp hay cầm súc của người nói, cũng không hại gì đến thân ta, mà ta ghét giận như thế, ấy là luống tiếc cái danh giả nơi mình, mà không biết những cái chân thật của mình, là sao ư ?

Vả chẳng cái chân thật của mình là chi ? Gượng kêu là cái chết, mà thật chưa từng chết được vậy. Người vẫn thấy kẻ bỏ cái thân giả này mà đi, chính gọi đó là chết. Mà không biết bỏ cái thân này rồi, thời đi đầu thai làm cái thân khác vậy. Song chỗ đi đó ta đâu không dự bị tư lương trước ư ?

Cho nên cái thuyết Tây phương Tịnh độ thiệt chẳng nên bỏ vậy.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ HAI

Khi người sinh, cha, mẹ, vợ, con, nhà cửa, ruộng vườn, trâu, bò, xe, ngựa, cho đến ghé đặng, bát, bòn, y phục, dây lưng, hết thảy đồ đạc không luận vật lớn hay vật nhỏ. Hoặc Tô phụ để lại cho mình, hoặc tự mình làm ra mới có, hoặc con cháu, hoặc người khác vì mình tom góp, mỗi món đâu không phải là vật của mình. Vả như những giấy dán cửa sổ, tuy là vật rất mỏng, nhưng mà bị người khác chọc lủng đi, ta còn có tâm giận, một cây kim tuy nhỏ, bị người khác lấy đi, ta còn có tâm tiếc. Kho lẫm đã đầy, lòng tham chưa đủ. Vàng bạc đã nhiều sấm mãi không thôi. Mở mắt dờ chân, đâu không ái trước. Một đêm ngủ ngoài đã lo ở nhà, một đũa đầy tớ chưa về, đã lo nó đi mất. Trăm việc tính toán, chẳng có một việc nào mà chẳng để vào lòng toan tính.

Song một mai đại hạn tới rồi, thảy đều bỏ ráo, dù thân ta đây cũng là vật bỏ, huống chi những vật ở ngoài thân ư ? Chạnh lòng ngẫm nghĩ, khác nào một giấc mộng trường (dài).

Cho nên ông Trang Tử nói Và có bậc Đại giác, vậy sau mới biết thân này, là trường đại mộng.

Người xưa nói câu “Nhất nhật vô thường đáo, phương tri mộng lý nhân, vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân”, nghĩa là Một mai vô thường đến, mới biết người ở trong mộng, lúc chết muôn vật đem theo chẳng đặng, duy có nghiệp đeo đuổi theo mình. Rất đúng thay lời ấy vậy.

Hôm nay tôi (Vương Nhật Hưu) cũng thể theo hai câu sau của bài trên, thêm vào hai câu thành một bài kệ như dưới đây Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân, đản niệm A Di Đà, định sinh An lạc quốc”, nghĩa là Muôn việc đem theo chẳng đặng, chỉ có nghiệp theo mình, nếu niệm A Di Đà quyết sinh nước an dưỡng.

Song nghiệp, có hai nghiệp một là nghiệp lành, hai là nghiệp dữ. Luận như hai món nghiệp này, đều đem theo đặng. Đâu chẳng nên để tâm niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ làm nghiệp ư ?

Có ông Minh Liễu Trưởng lão vì cả trong chúng, chỉ thân này mà nói rằng Thân này là vật chết, ở trong cái thân chết này nó có cái không chết, cái không chết đó gọi là Thức Tâm, tâm này sống mãi mãi tới vô lượng kiếp. Vậy chớ lầm, nè trên vật chết làm kẻ sống. Phải chính trên vật sống, tìm cầu vật sống mới được.

Tôi (Vương Nhật Hưu) rất phục lời nói ông Trưởng lão này, cho nên tôi thường nói với người rằng Phạm tham các món vật ở ngoài, dùng phụng dưỡng nơi thân, dầu là ngay trên vật chết, mà làm làm kế sống vậy. Người đời tuy chưa khỏi thế, nhưng phải ở trong việc làm ăn nuôi sống. Thừa trong lúc rảnh, cũng phải quày tâm suy xét, để tâm với pháp môn Tịnh độ này, là trên vật sống làm kế sống vậy. Vả như bo bo lo sống, tuy có giàu như ông Thạch Sùng, sang đến bậc nhất phẩm, rồi cuộc cũng có ngày số tận, đâu bằng niệm Phật cầu sinh về Tịnh độ, hưởng sự khoái lạc vô cùng tận vậy ư ?

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ BA

Người vốn chưa từng chết, mà cái tên chết nó đã có sẵn trên thân này rồi. Vì sao ? Bởi thần thức nó đi đâu thai mà gá nơi cõi thân tứ đại, thân này do có thần thức mà được lớn được mạnh, nên gọi đó là sinh. Lúc thần thức lìa thân tứ đại, thời thân này do đây là hư hoại nên gọi đó là chết (tử).

Thần thức là gì ? Dụ như thân ta đây.

Thân tứ đại là gì ? Dụ như nhà ta ở vậy.

Ta có đi có đến nên nhà ta có thành có hoại.

Thế thì lúc sống đây, không phải là sống thiệt do thần thức đến, mà thân này hình như có sống vậy thôi. Lúc chết, cũng chẳng phải là chết hẳn, chỉ vì thần thức đi mà thân này phải tan

ra vậy thôi. Song người sinh ở đời, ít ai được nhận thức cứ chấp cái thân tứ đại này thôi. Bởi chấp tứ đại này cho là thiệt có, là trường tồn, nên hy vọng việc sống, mà toan ghét sự chết, mê lầm đến thế, khá chẳng thương ư ?

Thần thức khi đi, từ đâu mà đi ?

Đáp rằng Tùy nghiệp duyên mà đi.

Hỏi Nghiệp duyên là gì ?

Do chỗ người tạo tác nghiệp lành hay dữ chi đó, thần thức đi theo duyên nghiệp, mà đầu thai chịu quả báo ấy, như người tạo nghiệp nhân gian (thọ tam quy, ngũ giới). Thần thức cũng tùy đó, mà đầu thai sinh trong loài người. Còn tạo nghiệp cõi thiên thượng (tu thập thiện) thì thần thức cũng tùy nơi đó, mà đầu thai sinh lên cõi trời.

Còn tạo nghiệp về cõi A tu la (cũng tu Thập thiện nhưng mà sân hận nhiều) thần thức cũng tùy nơi đó mà đầu thai sinh lại cõi A tu la. Còn tạo nghiệp trong ba đường ác (Tham, sân, si nhiều) thì thần thức cũng tùy nơi đó, mà đầu thai sinh vào trong ba đường ác (Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh). Thế là thần thức, tùy theo nghiệp duyên tạo tác mà luân hồi, mãi trong sáu thú, không hẹn thời kỳ nào ra khỏi vậy.

Song mà thần thức này, từ vô thủy, nhứt đến ngày nay, đầu thai đổi xác, chẳng đặng ở lâu một chỗ là vì lẽ gì ? Bởi do nghiệp ta gây tạo chẳng lâu, cho nên thần thức ở trong các thân

này một thời kỳ ngắn ngủi rồi tùy nghiệp đi qua xác khác, giữ gìn thân khác đến khi nghiệp hết thân thức đi ra, thời thân hình phải hoại, hình hoại thời thân thức không chỗ nương tựa, vì không chỗ nương tựa nên tùy theo cái nghiệp trong đời này đã tạo, thân thức tùy nghiệp ấy mà đi đầu thai chịu xác khác (thân đời sau) vậy. Ví như người cấu tạo nhà cửa, rồi ở trong nhà cửa, người sắm đồ ẩm thực ắt hưởng sự ẩm thực, cho nên hãy tạo những nghiệp như thế nào thời ắt phải chịu quả báo cũng phải như thế ấy cả. Là lý tự nhiên vậy.

Thế thời đời này ta tạo những nghiệp gì đây há chẳng cần thận cho lắm ư ?

Như những người muốn chóng khỏi luân hồi, hằng lia khổ não, không chi bằng đề tâm nơi pháp môn niệm Phật cầu sinh về Tây phương Tịnh độ là cần hơn. Cho nên tôi (Vương Nhật Hưu) xin các nhân giả chớ khá dần dà mà chẳng tu cho sớm vậy.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ TƯ

Người sống trong bầu thế giới này, khác nào một cục bọt nổi trên mặt nước, có đó rồi không đó sinh diệt vô thường. Hoặc có người sống một tuổi hoặc có người sống hai tuổi, hoặc có người sống một mươi, hai mươi tuổi. May phúc được bốn năm mươi, cũng đã khá, dù cho bảy mươi (gọi là thất thập cổ lai hy) cũng rất ít có.

Người đời chỉ thấy những người chưa già trước con mắt, chớ không biết xét những kẻ chưa già mà đã chết mất kia cũng lắm vậy. Huống chi trong thế gian này, không có cái gì mà không phải khổ, ngặt vì không để tâm suy xét cho nên không rõ biết vậy thôi, coi như trong lúc ta không vừa lòng, vẫn đã khổ rồi. Bằng gặp những việc vừa lòng, cũng không bao lâu, cha, mẹ, vợ, con, suôi gia, quyến thuộc hoặc tật bệnh chết mất, hoặc bị sát phạt, ly tán, hoặc mình tới hạn số một cách tình cờ (bất ngờ).

Xét lại đời sống, cả đời đâu đặng toàn thiện không chút tội ác ?

Vậy lấy việc trước con mắt dễ thấy mà nói Như tâm ta khởi một niệm bất chính, nói một lời bất chính, ngó cái vật bất chính, nghe một tiếng bất chính, làm một việc bất chính, đâu không tội lỗi. Huống chi những vật ăn dùng, là thịt của chúng sinh, áo ta mặc sát hại tâm tư mà có.

Hơn thế nữa, tội lỗi chẳng những ăn thịt, mặc tơ tằm chẳng tương thì thôi, tương ra thật khá ghê rợn vậy.

Từ nhỏ đến già, từ sinh đến chết, một đời chất chứa đã nhiều, buộc ràng nhiều lớp, không do đâu giải thoát. Sau khi nhắm mắt, chẳng khỏi theo nghiệp duyên mà đi, mờ mờ, mịt mịt biết ở chỗ nào ? Hoặc sa trong địa ngục, chịu các cực hình, hoặc sinh trong loài ngựa quỷ, lừa đói đốt thân, hoặc vào Tu la sân hận đầy bụng, dù có chút nghiệp lành, đặng sinh lên cõi trời

hay trong cảnh người, hưởng hết phúc báo rồi, cũng không khỏi luân hồi trở lại như cũ, trời lặn chìm nổi, không thể biện ra vậy.

Duy có pháp môn niệm Phật cầu sinh về Tây phương Tịnh độ, là một con đường thẳng tắt mau ra khỏi luân hồi mà thôi.

Huống chi thân này khó đặng, vậy đương lúc chưa già không bệnh phải lo cho xong cái đại sự (sinh tử) này, phải thường nghĩ như vậy Ta từ vô lượng kiếp lại đây, đã từng trải trong vòng luân hồi lục đạo, mà chưa lúc nào biết được pháp môn này, cho nên không ra khỏi cảnh luân hồi lục đạo.

Ngày nay ta đã biết, đâu khá không tức thời làm đi, những người tuổi cao, vẫn nên cố gắng, còn người trẻ tuổi cũng chớ dần dà.

Khi mạng chung, đặng sinh về thế giới Cực Lạc rồi ngó lại thấy những người chết, vào âm phủ, ra mắt vua Diêm La chịu những việc cực hình ghê tởm. Cách nhau như trời với vực không thể đồng ngày mà nói vậy.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ NĂM

Vậy như người vào trong một cái thành lớn, tất nhiên phải tìm chỗ ở yên, rồi mới trở ra làm việc, lúc chiều tối có chỗ về nghỉ ngơi.

Trước hết tìm chỗ ở yên là nghĩa tu pháp môn niệm Phật vậy. Đến khi chiều tối, là nghĩa con đại hạn (chết) nó tới rồi

vậy. Có chỗ nghỉ ngơi, là nghĩa sinh trong hoa sen, khỏi sa vào ác thú vậy.

Lại như ta đi đường xa, trước phải sắm đồ che mưa, rui gặp lúc trời mưa thời khỏi sự lo ướt át lang thang.

Trước sắm đồ che mưa là gì ? Là người tu Tịnh độ vậy. Rủi trời mưa là gì ? Là đại mạng sắp hết vậy.

Khỏi lo sự ướt át lang thang là gì ? Nghĩa là chẳng đến nỗi mà bị trầm luân trong ác thú chịu các sự khổ éo le vậy.

Vả chẳng trước tìm chỗ ở yên, cũng không hại gì việc ra làm. Sắm đồ che mưa trước, cũng không ngại gì đi con đường xa. Người tu Tịnh độ cũng không ngại gì tất cả việc đời. Có sao người đời chẳng tu niệm ư ?

Chính tôi (Vương Nhật Hưu) được biết có một người, ngày bình sinh phần nhiều tạo tội sát ngư; khi tuổi già mang bệnh, dường như chứng trúng phong. Tôi thương người kia gây tội ác mang bệnh khổ, bèn đến thăm. Tôi khuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà Anh ta cần nhẫn chẳng chịu niệm, chỉ ngó tôi rồi nói chuyện phi pháp (bậy bạ).

Thế đâu chẳng phải là bị nghiệp ác nó chướng ngại (ngăn trở) óm đầu mê sáng ư ? Vậy mình chẳng hay hồi tâm niệm thiện (nghĩ nhớ việc lành), sau khi nhắm mắt đi rồi, sẽ lấy chi nương cậy ?

Cho nên người tu pháp môn niệm Phật đây, phải chóng hồi đầu cho sớm vậy.

Ở trong thế gian, ban ngày thì ắt phải có ban đêm, lạnh thì có nóng. Mỗi người ai cũng biết thì đây không có dấu điếm đi đâu. Như nói Sống thì ắt phải có chết, mỗi người đều sợ mà tránh né, đến nỗi không dám nói ra, đưa trẻ hờ miệng buông lời (tôi chết), thì cha mẹ la rầy, đừng nói tầm xàm, sao mà tệ thế ?

Ồi! Đâu có biết chỗ nói chết đây, vốn chưa từng chết. Nhưng chỉ theo nghiệp duyên hết, là thần thức lìa khỏi xác thịt mà đi thế thôi.

Cho nên chúng ta cần tu Tịnh độ cầu sinh trong hoa sen để thọ cái thân như Phật, sống lâu vô cùng, và được thoát khỏi tất cả sự ưu bi, khổ não ở trong vòng sinh tử vậy!

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ SÁU

Người sinh về phẩm hạ, chính khi lâm chung tướng địa ngục hiện trước mắt, người đó chí tâm niệm mười câu Nam mô A Di Đà Phật, thời biến hình tướng địa ngục trở thành hoa sen, người đó cũng được sinh về Tịnh độ. Đây là do lòng từ bi của Đức Phật, chí thâm oai đức rất lớn, cho nên mới có tài năng như vậy.

Bài này nói mười câu niệm Phật chính lúc sinh tiền (khi còn sống), tự mình niệm mười câu Nam mô A Di Đà Phật. Chớ

không phải lúc hậu thân (chết rồi), thỉnh người khác niệm thế vậy.

Sinh tiền mình niệm, khi lâm chung có Phật cùng Bồ Tát thân hành đến tiếp rước, cho nên quyết chắc sinh về Tịnh độ. Còn thân hậu thỉnh người khác niệm, thì tôi (Vương Nhật Huru) chưa biết được!

Kinh Nhân Quả nói Thân hậu, thỉnh người khác niệm, làm phúc độ vong, thì trong bảy phần công đức, vong chỉ được một phần; còn sinh tiền (lúc chưa chết), mình tự niệm, thời trăm ngàn phần mình hưởng trọn trăm ngàn phần.

Người đời tội gì mà không chính lúc sinh tiền, mỗi ngày niệm mười câu hiệu Phật, hà tất đợi khi chết, mới rước thầy niệm Phật thế cho ư ?

Lại nữa! Sắt đá tuy nặng, nhưng nhờ sức ghe tàu chở qua sông to cũng đặng. Còn một cây kim tuy nhỏ, nếu không nhờ tàu, bè, dù sông nhỏ cũng không thể qua. Nghĩa là nói người tuy có tội nặng, nhưng nhờ sức chư Phật hộ trì, đặng về Tịnh độ. Còn người tội ác tuy ít (nhẹ), nếu không nhờ chư Phật hộ trì, thì Tịnh độ khó sinh.

Lại nữa! Như người cả một đời làm ác một bữa thôi làm, cũng trở thành người thiện, người hồi tâm hướng thiện niệm Phật, nhờ Phật hộ trì, tội ác được tiêu, cũng lại như vậy.

Lại nữa! Như con kiến, con rận muôn đời muôn kiếp có lúc nào đi tới được ngàn dặm. Song nếu nó đeo trong thân áo người, dù ngàn dặm cũng có thể tới. Nhờ sức hộ trì chư Phật được sinh về Tịnh độ, cũng in như vậy. - Xin chớ nghi!

Người có tội ác, hồi tâm niệm Phật mà không muốn vãng sinh một mình mình, tâm chỉ muốn thấy Phật, đắc đạo rồi, trở lại độ tất cả, những kẻ oán người thân, cũng đều đặng vãng sinh, thì không có một người nào mà chẳng đặng sinh về vậy.

Kẻ hoặc (có người nghi) hỏi Người thuở bình sinh làm ác, sát hại chúng sinh, ngược đãi dân lành, khi chết niệm Phật, cũng được vãng sinh, thì như những chúng sinh bị sát, bị khổ kia, nó sẽ ôm lòng uất hận (ức) biết bao giờ nguôi phai thì sao ?

Đáp rằng Miễn ta sinh về Tịnh độ, sau khi đắc đạo rồi trở lại độ tất cả, kẻ oán, người thân, cũng đồng về nước an dưỡng.

Đâu không hơn những kẻ gây thù kết hận, oan oan tương báo, rớt cuộc mình và người cả hai đều lặn hụp trong khổ luân hồi, không biết đến kiếp nào hện ra ư ?

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ BẢY

Tôi (Vương Nhật Hưu) lập cái thuyết Tịnh độ muốn khuyên tất cả, kẻ thấy người nghe, phát tâm quảng đại (rộng lớn) lấy tâm Phật làm tâm mình, khiến cho mọi người đều biết đó, đồng sinh về Tịnh độ. Phải đem tâm tưởng rằng Pháp môn

này, nếu người biết đó, cũng như mình biết đó, đâu không khoái (mừng) ư ? Bằng người không biết, cũng như mình không biết, há chẳng buồn ư ?

Chẳng phải để tu riêng một mình mình. Nếu tu riêng một mình mình, thời là chúng Thanh Văn, Phật gọi là bậc Tiểu thừa.

Tiểu là nhỏ. Thừa là cỗ xe, hay thừa là chở. Nghĩa là Người tu Tiểu thừa, dụ như cỗ xe rất nhỏ, chỉ chở được một mình mình mà thôi. Phật nói người này, là người đoạn hột giống của Phật. Vì tu theo lối ích kỷ vậy (lợi cho mình).

Còn người phát tâm rộng lớn khuyên tất cả mọi người đồng tu, thời gọi là Đại thừa Bồ Tát. Ví như cỗ xe rất lớn, chở luôn cả mình và người đồng đi đến chỗ cứu cánh, quả vị các Đức Phật.

Cho nên phúc báu của người này, cũng đặng to tát đến vô lượng vô biên. Mười phương hằng hà sa số các Đức Phật, Đức Phật nào cũng đều khen ngợi công đức Phật A Di Đà, là bất khả tư nghì. Nghĩa là Không thể lấy tâm suy nghĩ, không thể dùng lời nói mà luận bàn được vậy.

Công đức to lớn như thế, không thể mô tả cho cùng tận. Cho nên chỉ mượn hai chữ mà tung hô rằng “Tột bậc”. Song công đức to lớn tột bậc như thế, thì ra làm việc chi mà lại không đặng ?

Cho nên khuyên đặng một người tu pháp môn Tịnh độ, nhờ duyên lành này, tiêu mòn tội ác cũng đặng vậy, chẳng những tiêu tội ác, mà lại tăng cao phúc và thọ nữa.

Chẳng những tăng cao phúc thọ, mà cũng có thể thành tựu công đức vãng sinh về cõi Tịnh độ. Chẳng những được vãng sinh về cõi Tịnh độ, mà cầu cho vong giả vãng sinh về cõi Tịnh độ nữa cũng được vậy.

Song cần phải chí thành chú nguyện mới đặng công đức, và đặng vãng sinh về cõi Tịnh độ. Xem như trong truyện ông Phòng Chử thời biết vậy (ông Phòng Chử là tội nặng niệm Phật cũng được vãng sinh lên quả vị bất thối).

Huống chi khuyên đặng một người, nhần đến năm người, mười người ư! Ta khuyên người, rồi bảo người lần lượt khuyên rộng ra nữa. Đòi đòi bất tuyệt như thế thì cái thuyết Tây phương, rải rác khắp cùng trong thiên hạ, tất cả chúng sinh trong bể khổ cũng đều đặng sinh về Tịnh độ hết vậy.

Khuyên người làm đạo lành, gọi là Pháp thí. Mà pháp môn Tịnh độ này là một môn Pháp thí đứng đầu trong các Pháp thí. Và muốn ra khỏi luân hồi không chi bằng môn Pháp thí này vậy.

Cho nên phúc báu của sự thí pháp chẳng khá nói cho cùng tội vậy.

Ngài Đại Từ Bồ Tát làm bài kệ khuyên người tu Tịnh độ
như vậy

Năng khuyên nhị nhân tu,

Tỷ tỵ tử tinh tấn,

Khuyên chí thập dư nhân

Phúc đức kỹ vô lượng.

Nghĩa là

Khuyên đặng hai người tu,

Sánh bằng mình tinh tấn.

Khuyên đặng hơn mười người,

Phúc đức mình vô lượng.

Và câu

Như khuyên bá dư thiên,

Danh vi chân Bồ tát.

Hựu năng quá thử số,

Tức thị A Di Đà.

Nghĩa là

Bằng khuyên trăm nghìn người,

Gọi ông chân Bồ Tát.

Lại khuyên hơn số ấy,

Tức Phật A Di Đà.

Xem đây thời biết, cái thuyết Tây phương Tịnh độ há không dùng tâm rộng lớn. Khuyến hóa mọi người, đồng biết pháp môn này để cứu nhóm vô lượng phúc báu hay sao ?

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ TÁM

Vả như thấy người đói, ta cho họ một bữa ăn. Người lạnh khổ ta giúp một cái áo, đã là ơn lớn rồi.

Huống chi chúng sinh trầm luân trong lục đạo không có thời kỳ nào ra khỏi. Ta chỉ dạy pháp môn niệm Phật, khiến mau ra khỏi luân hồi, hưởng sự khoái lạc dài lâu vô cũng vô tận, ơn ấy đâu kể xiết ư ?

Kinh Kim Cang nói Nếu người dùng hằng hà sa đặng thân mà bố thí. Như thế vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp phúc đức lớn biết bao. Thế mà không bằng có một người nghe hiểu kinh điển này, tín tâm chẳng trái, thời phúc đức lại nhiều hơn.

Vì sao ? Bởi đem thân bồ thí, bất quá là hưởng phúc báu cõi thế gian này, có khi phải hết.

Còn kẻ nghe hiểu kinh điển này, thời lần hồi tỏ ngộ chân tánh đặng phúc không cùng không tột. Cho nên hơn là vậy.

Do đây tôi (Vương Nhật Hưu) xét nghiệm, người tin Kinh Kim Cang còn được phúc báu như thế. Bằng khuyên người tu Tịnh độ phúc báu cũng như trên không kém thiếu vậy.

Vì sao ? Bởi tu pháp môn Tịnh độ, không còn luân hồi và đặng bậc Bất thối chuyển, thẳng đến thành Phật, quả vị cứu cánh viên mãn.

Huống chi người sinh về cõi kia rồi, dù chưa chứng quả Phật liền. Nhưng cũng chính là giai cấp đi lần lên quả Phật. Cho nên khuyên một người tu Tịnh độ, là thành tựu một chúng sinh thành Phật vậy.

Phàm những người thành Phật, tất nhiên phải độ vô lượng chúng sinh, mà những chúng sinh đắc độ kia, đều do ta làm đầu, thì lẽ cố nhiên phúc báu ấy phải nhiều hơn những người đem hàng hà sa đặng thân bồ thí tới vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp chớ sao.

PHỔ KHUYẾN TU TRÌ THỨ CHÍN

Phàm ta thọ ơn sư, hữu giáo huấn, ơn cha mẹ dất diu, ơn bè bạn lẽ đưa, thấy đều khuyên bảo tu Tịnh độ, để đáp đền lại,

nhấn đến mang ơn tất cả người, hoặc có cái ơn cho ta uống một bát nước trà, hoặc giúp một lời nói, cùng tôi tớ có công lao hầu hạ.

Phàm chỗ ta thọ dụng, tất cả ân lực của người. Ta đều đem pháp môn này khuyên bảo, khiến cho họ thoát ly bể khổ, chẳng những người có ân với ta, mà là tất cả người ta biết, cùng không biết, quen cùng không quen, đều toan dạy một cách này mong cũng nhau sinh về Tịnh độ.

Chẳng những như đây. Xem như hồi thời kỳ Đức Phật Thích Ca còn tại thế, có một nước nhỏ khó giáo hóa. Phật nói Dân chúng ở quốc độ này, có nhân duyên với ông Mục Kiền Liên. Liên sai ông Mục Kiền Liên đến giáo hóa, thì người trong nước ấy, đều rắc rắc phục tùng theo lời nói của ông Mục Kiền Liên.

Cô người hỏi Phật rằng Những người trong quốc độ ấy, với ông Mục Kiền Liên có nhân duyên như thế nào ? Phật dạy Hồi đời trước ông Mục Kiền Liên làm ông tiều đốn củi làm kinh động một bầy ong trong núi. Ông Mục Kiền Liên phát lời thệ rằng Sau khi ta đắc đạo, nguyện độ hết bầy ong này. Nay dân chúng trong thành đây, chính là bầy ong hồi đó vậy. Vì ông Mục Kiền Liên phát lời nguyện đó, cho nên nay có nhân duyên này.

Do đây mà xem đó, chẳng những ta đối với tất cả người khuyên tu Tịnh độ, mà là với tất cả cảm thú bay chạy, cho đến loài mối, kiến, muỗi, mòng, phàm có hình tướng mà có thể thấy

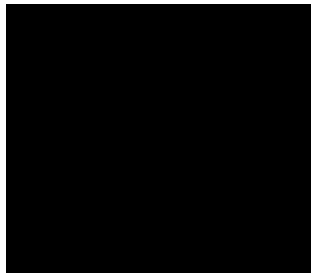
được đó, ta đều niệm Nam mô A Di Đà Phật vài tiếng phát lời thiện thệ rằng Các người chúng sinh, đều sinh về thế giới Cực Lạc, sau khi ta đắc đạo, độ hết các người.

Chẳng phải đối với loài có hình tướng ta thấy được mà loại hình tướng không thấy được ta cũng phải như thế cả.

Như vậy, thì thiện niệm ta được thuần thực. Đối với tất cả chúng sinh đều có nhân duyên. Ta sinh lên bậc thượng phẩm, sinh lên bậc thượng phẩm rồi, trở lại trong cõi này, hóa độ mọi người. Bây giờ không có một ai mà không ưa thích và phục tùng lời nói của ta vậy.

Cho nên có câu Nói một lời người nghe một vạn là thế.

HẾT QUYỂN BA



QUYỀN TU

CHỨC QUỐC HỌC TÂN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI

Pháp môn Tịnh độ, thoáng thấy trong Kinh “Đại A Di Đà” cùng Kinh “Thập Lục Quán” có nói pháp tu Tịnh độ, có thấp và có cao. Người tu theo pháp thấp thời công nhỏ, mà ở trong quả vị “Chín phẩm” cũng chỉ ở về phẩm hạ (*thấp*). Còn người tu theo pháp cao thời công lớn, mà ở trong quả vị “Chín phẩm” lại được phẩm thượng (*cao*). Song miễn sinh về trong chín phẩm, dù thượng hay hạ, cũng đều được thoát kiếp luân hồi và trường sinh bất lão cả.

Nay trước kê quả vị của người tu cao thấp mà bày ra nói có phẩm thượng, phẩm trung, và phẩm hạ vậy.

TU TRÌ PHÁP MÔN

THỨ NHẤT

Đức Phật A Di Đà, Ngài có phát 48 lời nguyện, cứu độ chúng sinh, trong đó có lời nguyện rằng Khi Ta thành Phật, chúng sinh trong mười phương, chí tâm tín chịu, muốn sinh về trong nước của Ta, thì phải niệm mười tiếng danh hiệu Ta, thời được sinh về trong nước của Ta. Nếu không được như thế, Ta thề không làm Phật.

Thế là Đức Phật, Ngài đã sẵn có lời thệ nguyện độ người, chỉ nương nơi mười tiếng niệm của người, để tỏ lòng chí thành quy y với Phật.

Cho nên chúng ta, mỗi ngày sớm mai, chấp tay, quay mặt về hướng Tây đánh lễ và niệm Nam mô A Di Đà Phật (*to tiếng*). Lại đánh lễ, niệm bài kệ Đức Đại Từ Bồ Tát. Phát nguyện một biến như vậy Tôi nguyện cho người đồng niệm Phật, đồng sinh về nước Cực Lạc, thấy Phật dứt sinh tử như lời Phật thệ độ tất cả! Đọc xong đánh lễ rồi lui.

Chí thành như vậy không có một ai mà chẳng được sinh về trong chín phẩm. Dù phẩm hạ cũng được nghe Phật thuyết pháp. Nhờ nghe pháp rồi lần lần chúng lên phẩm trung, và phẩm thượng vậy.

HỎI Những người không biết chữ thì sao ?

ĐÁP Tuy không biết chữ, nhưng ta dạy họ niệm bài kệ này cho thuộc lòng cũng đáng phúc báu rất lớn.

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ HAI

Mỗi ngày sớm mai, chấp tay quay về hướng Tây, đánh lễ xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật. Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát. Nam mô nhất thiết Bồ Tát, Thanh Văn, chư Thượng thiện nhân (*mỗi hiệu 10 lần*).

Lại đánh lễ, và niệm bài Đại Từ Bồ Tát khen Phật, sám hối tội và hồi hướng phát nguyện, toàn bài kệ niệm một biến như vậy

Trong ba đời mười phương Phật.
 Di Đà là Phật thứ nhất.
 Chín phẩm độ chúng sinh,
 Oai đức không cùng tốt.
 Con nay cả quy y,
 Sám hối ba nghiệp tội.
 Phạm có bao nhiêu phúc thiện,
 Một lòng đem hồi hướng.
 Nguyện cầu người đồng niệm Phật.
 Cảm ứng tùy thời Phật hiện.
 Khi lâm chung Tây phương cảnh.
 Phật, rõ ràng ở trước mắt.
 Kẻ thấy người nghe đều tinh tấn.
 Đồng sinh về nước Cực Lạc.
 Thấy Phật hết sinh tử,
 Như Phật độ tất cả chúng sinh.
Lạy đánh lễ rồi lui

Bài kệ này oai lực rất lớn, tiêu trừ đặng tất cả tội, thêm lớn tất cả phúc, phạm khi niệm lại thêm đánh lễ, đốt hương, lạy Phật, càng thêm phúc nữa. Mỗi ngày như vậy, thời quyết đặng sinh vào trung phẩm.

Bằng dạy người niệm bài kệ này, đặng phúc báu rất lớn.

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ BA

Mỗi mỗi cũng niệm tụng như trước, chỉ có lúc niệm Phật, tâm tưởng thân mình ở cõi Tịnh độ, trước Phật, chắp tay cung kính niệm. Khi niệm danh hiệu các vị Bồ Tát cũng như vậy. Khi niệm danh hiệu tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, các bậc thượng thiện nhân, thời tâm tưởng thân ta ở cõi Tịnh độ. Tiếng ta niệm tụng vang rền khắp cả, trước các Bồ Tát, Thanh Văn và bậc thượng thiện nhân. Khi đánh lễ, cũng tưởng ở trong cõi Tịnh độ mà lễ Phật. Khi niệm bài kệ cũng tưởng ở cõi Tịnh độ, trước Phật chắp tay cung kính niệm bài kệ.

Duy khi có tượng Phật, và Bồ Tát thời khởi cần phải quán tưởng như vậy. Song phải tưởng tượng kia như Phật và Bồ Tát hiện thân thiết tại nơi đây, thọ ta lễ bái và nghe ta niệm tụng, chuyên chí như vậy, đặng vãng sinh phẩm đệ, cũng chẳng phải thấp (*rất cao*).

TU TRÌ PHÁP MÔN THỨ TƯ

Sự tích Hồi Đức Phật Thích Ca còn tại thế Ngài dạy hai người già niệm danh hiệu Đức A Di Đà đây không nên nghi vậy. Nếu người chí tâm trì niệm và tụng thân chú vãng sinh, đã vãng sinh, mà còn được diên thọ (sống lâu) đặng phúc báu rất lớn. Chúng lên quả Vô thượng nhần ở địa vị Bất thối, đâu chẳng quý ư ? Ông Lữ Nguy

TU TRÌ PHÁP MÔN
THỨ NĂM

**TU TRÌ PHÁP MÔN
THỨ SÁU**

**TU TRÌ PHÁP MÔN
THỨ BẢY**

**TU TRÌ PHÁP MÔN
THỨ CHÍN**

**TU TRÌ PHÁP MÔN
THỨ MƯỜI**

TU TRÌ PHÁP MÔN
THỨ MƯỜI MỘT

**TU TRÌ PHÁP MÔN
THỨ MƯỜI HAI**

**TU TRÌ PHÁP MÔN
THỨ MƯỜI BA**

**THỰC NHỤC THUYẾT
THUYẾT NÓI VỀ ĂN THỊT**

(vô số)

(sống lâu)

(bị sát)

**QUÁN ÂM TỌA TƯỚNG THUYẾT
THUYẾT NÓI VỀ TƯỚNG NGỒI ĐỨC QUÁN THẾ ÂM**

HẾT QUYỂN TƯ



QUYỂN NĂM
CHỨC QUỐC HỌC TÁN SĨ
ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN

(triều vua đời nhà Tấn),

ĐÔNG TẤN, HUỆ VIỄN PHÁP SƯ

(hội tu Tịnh độ)

tư)

(đệ

ĐỜI ĐÔNG TẤN, ÔNG LƯU DI DÂN

(rờ đầu)

(hào quang tròn)

ĐỜI ĐÔNG TẤN, ÔNG QUAN CÔNG TẮC

**ĐỜI TỔNG, ĐẤT GIANG LĂNG
ÔNG TẶNG TÊN ĐÀM GIÁM**

(Tịnh độ)

**ĐỜI NAM TÊ ĐẤT DƯƠNG ĐÔ
ÔNG TẶNG TÊN HUỆ TẤN**

**TRIỀU HẬU NGUYỄN XỨ BÍCH CỐC
ÔNG TẶNG TÊN ĐÀM LOAN**

(Đức Phật)

(là tu)

**ĐỜI TÙY TẠI CHÙA KHAI GIÁC CÓ
ÔNG TẶNG TÊN ĐẠO DỮ**

**ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT KINH SƯ
ÔNG TẶNG TÊN THIỆN ĐẠO**

(đi niệm)
(niệm Phật đứng)
(vừa lay vừa niệm)
(niệm Phật được chính định).

Có chỗ nói pháp Ban Châu là cả ba nghiệp thân, khẩu, và ý không gián đoạn và đều được thanh tịnh niệm Phật.

(A Di Đà)

(y ngũ, y thất, và y đại).

Lần lần tóc bạc da gà,

Chân đi lóng cồng bộ là cò ma.

Dầu cho vàng, ngọc đầy nhà,

Khó mà tránh khỏi cái già bệnh suy

Dầu cho nghìn món vui gì ?

Vô thường rớt cuộc cũng thì bỏ đi.

Chỉ có đường tắt tu trì.

Một câu A Di Đà Phật ấy thì đem theo.

(thành vua)

(thân đời sau)

**ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT THÁI CHÂU
ÔNG TẶNG TÊN HOÀI NGỌC**

(niệm Phật)

(đài bạc) (ý muốn) (đài
vàng)

Sáng suốt trong sạch không như bọn.

Hoa sen hóa sinh là cha mẹ.

Ta đã mười đời tu đến nay.

Sinh cõi Diêm phù nhằm các khổ.

Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp.

Hằng lìa Ta bà về Tịnh độ.

**ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT PHÂN CHÂU ÔNG TẶNG
TÊN KHẢI PHƯƠNG VÀ VIÊN QUẢ**

Ta bà)

(cõi

định)

(đệ tử)

(xuất

một tịnh nghiệp)

(vì đồng

**ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT CHÂN CHÂU
ÔNG TẶNG TÊN TỰ GIÁC**

vàng)

(sắc

(lợi vật vi tiên)

(Tịnh độ)

(chết)

**ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT LỤC CHÂU ÔNG TĂNG TÊN
THIỆU KHƯƠNG**

(kinh thành)

(xứ Trung Hoa)

(do thiếu lòng thành vậy)

(chí thành tâm)

(cõi Ta bà)

(ngã chân đê tử)

(chết)

**ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT TINH CHÂU
ÔNG TẶNG TÊN DUY NGẠN**

Đức Quan Âm xa nương diu dất.

Đức Thế Chí tới rước đem về.

Bửu bình trên mào bày tỏ rõ.

Hóa Phật trước đầu hiện quang minh.

Đồng đạo mười phương cùng các cõi.

Cầm hoa chờ chực sinh chín phẩm.

Nguyện cánh (tay) từ bi ngài nhiếp thọ.

Dắt diu về đến cảnh Tây hành (Tây phương).

(niệm

Phật)

**ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT TRƯỜNG AN
NI CÔ PHÁP DANH TỊNH CHÂN**

(khất thực)

(Nếu tu mãi báo thân này, được vãng sinh về Tây phương, từ trong hoa sen sinh, hóa làm thân như Đồng Tử (đứa nhỏ), người tu Tịnh độ thuần thực, thấy Đồng tử chơi giỡn nơi ao thất bảo, thời người đó được biết mình chắc sinh về Tịnh độ).

ĐỜI ĐƯỜNG ÔNG PHÒNG CHỦ

**ĐỜI ĐƯỜNG ĐẤT TRƯỜNG AN
ÔNG LÝ TRI ĐIỀU**

(Kim Đài)

Tin người Lý Tri Diêu

Công thành quả tự chiêu (đặng).

Dắt người về Tịnh độ.

Đem người lên cầu vàng (Đài vàng).

*(nhắc lại 3 ngày trước thấy hoa sen, lớn
bằng vầng mặt nguyệt)*

ĐỜI ĐƯỜNG ÔNG TRƯỞNG CHUNG QUỲ

ĐỜI ĐƯỜNG ÔNG TRƯỞNG THIỆN HÒA

**ĐỜI TÙY ĐẤT THẠCH TẤN QUẬN PHỤNG TƯỜNG
ÔNG CHÍ THÔNG**

(thiên),

**ẤP QUỐC SỞ, CHÙA VĨNH MINH
NGÀI THỌ THIÊN SƯ**

(chỗ xử trảm)

(Vua, chủ tiên),

(chém).

**ĐỜI TỔNG ĐẤT MINH CHÂU
ÔNG TẶNG TÊN KHẢ CỬU**

(đài này để dành cho ông Cửu Pháp Hoa)

(Đài này để cho bà Từ Đạo sinh về ngồi)

**ĐÒI TỔNG, NON CẦU KÊ,
ÔNG KIM THÁI CÔNG**

lười)

(làm nghề khác)

(chài

(chay lạt)

**ĐÒI TỔNG, ĐÁT ĐÀM CHÂU
ÔNG HUỲNH ĐẢ THIẾT**

Cổn cởn cản cản.

Luyện lâu thành cứng.

Thái bình gân đây.

Ta về Tây phang

**ĐỜI TỔNG, PHỦ LÂM AN,
LÀNG HÒA NHÂN, ÔNG NGÔ HUỲNH**

(thân)

(mọc mọt)
(thảo am)

(Huỳnh)

(Huỳnh) *(nói)*
(trợ niệm)

Tuồng, rượu vốn không, hỏi chi thiên tông.

Ngày nay trân trọng, ngày mai thanh phong.

(pháp tu tham thiền)

(gió mát)

ĐỜI TÔNG BÀ KINH VƯƠNG PHU NHÂN

(tôi tớ)

(đồng một việc giúp đỡ chủ nhà)

(tớ)

(niệm Phật)

tôi tu Tây phương v.v...)

(nhờ bà dạy quở

tuế)

(gọi là ngày đáo

(chúc thọ)

ĐỜI TÔNG BÀ QUAN ÂM HUYỆN QUÂN

(chồng và vợ)

(gái hầu)

(cá thịt)

(tu thiền)

(Phật)

*(Phật)
(Phật và Bồ Tát)*

(đền đài cõi nước)

(chỉ thấy được)

(hôi)

(trời lạnh)

ĐỜI TÓNG BÀ PHÙNG THỊ PHU NHÂN

(Người đàn bà, chồng làm quan theo tục xưa gọi bà phu nhân)

(nghĩa là không có thuốc trị lành được)

(lành bệnh)

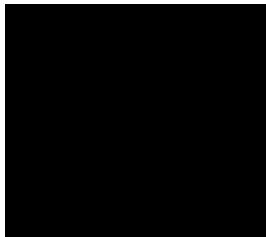
(điện

Phật)

*Theo duyên mắc nghiệp bấy nhiêu năm.
Luống làm trâu lão bắt cày ruộng.
Tóm dẹp thân tâm sớm đi về.
Cho khỏi lỗ mũi chịu người xỏ.*

*(thân tứ đại)
(thiên)*

HẾT QUYỂN NĂM



QUYỂN SÁU

CHỨC QUỐC HỌC TẤN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI

KHUYẾN NGƯỜI HỌC THỨC

KHUYẾN NGƯỜI QUÂN TỬ CÓ CHỨC QUAN

KHUYẾN NGƯỜI CHỐN CÔNG MÔN

KHUYẾN NGƯỜI LÀM NGHỀ THẦY THUỐC

(thầy thuốc)

(Vương Nhật Hưu)

(thầy thuốc)

*Trong các người thầy thuốc, hẳn là người
bậc nhất vậy*

(đâu trạng nguyên)

(đi học)

(đồng nghề thuốc)

KHUYẾN NGƯỜI XUẤT GIA

*Thân đời này
chẳng liền độ nó ngay trong đời này, lại đợi đến đời nào mới
là độ nó ?*

KHUYẾN NGƯỜI TU THIÊN

KHUYẾN NGƯỜI GIÀU CÓ

(cân nhân quả)

(đặng của hoạnh tài)

KHUYÊN NGƯỜI THAM LAM

(một ngọn đèn mỗi ra trăm vạn ngọn)

*Phúc báu ấy,
chẳng khá dùng nói cho hết, người tu phải tự biết đó*

KHUYẾN NGƯỜI HIẾU THẢO

(Vương Nhật Hưu)

KHUYẾN CỐT NHỤC, TÌNH ÂN ÁI

KHUYẾN NỮ NHÂN

KHUYẾN NGƯỜI TÔI TỐ

KHUYẾN NGƯỜI LÀM NGHỀ NÔNG

KHUYẾN NGƯỜI NUÔI TÂM

KHUYẾN NGƯỜI BUÔN BÁN

(buôn bán)

KHUYẾN NGƯỜI THỌ

KHUYẾN NGƯỜI NHIỀU VIỆC ĐỒN KIẾN

(cẩn dẫn)

KHUYẾN KẺ CỐT NHỤC OÁN TẮNG

KHUYẾN NGƯỜI CHÀI LƯỚI

KHUYẾN NGƯỜI LÀM NGHỀ BẦY CHIM

KHUYẾN NGƯỜI LÀM BỒI BẾP

KHUYẾN NGƯỜI LÀM PHÚC

KHUYẾN NGƯỜI TỤNG KINH

KHUYẾN QUÍ NHÂN

Ý

KHUYẾN NGƯỜI THÔNG MINH

KHUYẾN NGƯỜI BÁN RƯỢU

KHUYẾN NGƯỜI LÀM TIỆM CƠM

KHUYẾN ĐỒ TỂ

KHUYẾN NGƯỜI TẠI CHỖ PHÒNG TRẦN

KHUYẾN NGƯỜI TỘI ÁC

KHUYẾN NGƯỜI BỆNH KHỔ

KHUYẾN NGƯỜI TẬT ÁC DỤC LÀM THÂN

KHUYẾN NGƯỜI TRUNG VỚI NƯỚC

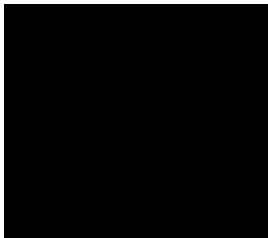
KHUYẾN NGƯỜI ÁC KHẨU

KHUYẾN NGƯỜI TUỔI GIÀ

KHUYẾN ĐỒNG NAM

KHUYẾN THẮT NỮ

QUYỂN SÁU HẾT



QUYỂN BẢY

CHỨC QUỐC HỌC TÁN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI

(Vương Nhật Hữu)

**ĐỜI TÓNG ÔNG THANH THẢO ĐƯỜNG THÂN
ĐỜI SAU CỦA ÔNG, LÀ ÔNG TẶNG LỄ CÔNG**

GIỚI THIỆU SỰ HẬU THÂN ĐÔNG PHA

(ngũ dục lạc)

(trần

nhậm xử ngoài sáu năm)

(Vương Nhật Hưu)

TRIẾT LÃO HẬU THÂN ĐA UÛ KHỔ

Dù cho trăm ngàn kiếp

Chỗ tạo nghiệp không mất

Khi nhân duyên gặp gỡ

Quả báo lại mình chịu.

CỔ LÃO HẬU THÂN ĐAM PHÚ QUÝ

(chân giác)

TÂY PHƯƠNG NHƯ HIỆN THỌ QUAN

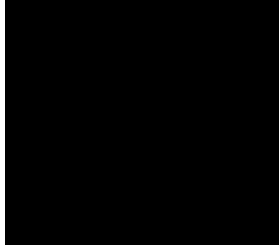
(trạng nguyên)

BA BỒ TÁT TU ĐÂU SUẤT

PHÁP HOA NI HẬU THÂN TÁC QUAN KỶ

PHẦN TỰ LUẬN

QUYỂN BẢY HẾT



QUYỂN TÁM

CHỨC QUỐC HỌC TẤN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SỌAN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI

KIẾN SÁT SINH NIỆM PHẬT ĐẮC PHÚC

ÔNG TRẦN KHÍ NIỆM PHẬT TRỪ QUỶ

TRUU TÂN VUONG NIEM PHAT MONG GIAC

TRUONG KE TO NIEM PHAT CAU SIÊU VONG

LƯU HUỆ TRỌNG NIỆM PHẬT AN GIÁC

BÀ NGUYỄN TÂM NIỆM PHẬT MẮT SÁNG

**VUA DIÊM VƯƠNG KHUYÊN TƯƠNG BÀ NIỆM
PHẬT**

THIỆU AN PHỦ NIỆM PHẬT THOÁT NẠN

(se sẻ)

NIỆM PHẬT BỆNH PHONG KHÔNG SINH

MỘNG TRUNG NIỆM PHẬT THOÁT KHỦNG CỤ

NIỆM PHẬT NHÀ KHỎI ĐỀ CHẾT

NIỆM PHẠT BỆNH SỐT RÉT ĐƯỢC LÀNH

(Vương Nhật

Hưu)

THÊU TƯỢNG PHẠT THƯỜNG CÓ XÁ LỢI

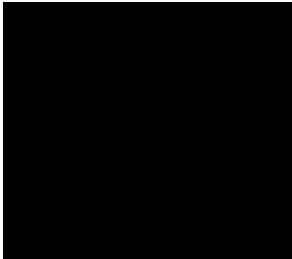
MỘNG THẤY PHẬT LIÊN ĐẶNG THÔNG BIỆN

NIỆM PHẬT TRỊ BỆNH ĐƯỢC LÀNH

NIỆM PHẬT THẮNG CHÁU KHỎI NẠN

PHẦN TỰ LUẬN

QUYỀN TÁM HẾT



QUYỂN CHÍN
CHỨC QUỐC HỌC TẤN SĨ
ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN
LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI

TẬP THUYẾT

Học thời thường tập

đó.

Học đặng như thế chẳng cũng vui w!

(Phải tu tập cho cần mẫn)

CÁC THỨ LỢI NHÂN THUYẾT

**THUYẾT NÓI VỀ ÔNG CÁC PHIÊN THÁI THỨ LỢI
ÍCH NGƯỜI ĐỜI**

Thương người lợi vật, mới đặng gọi là người nhân

THÍ BẢO THUYẾT
THUYẾT NÓI PHÚC BÁO BỐ THÍ

Ghét ai có của đem chôn dưới đất, không dám để trong mình.

Ghét người có sức không ra xuất thân (lập thân) chẳng phải vì mình.

Đã đem của vì người, mình càng có.

Đã đem của cho người, mình càng nhiều.

Đều là nghĩa bố thí.

Ra

ở nơi người, trở lại cũng nơi người

Đạo

công bằng của trời đất, ưa trả lại những thiện hoặc ác

*Thương người, người thường thương lại.
Kính người, người thường kính lại.
Hại người, người ắt sẽ hại lại.*

BẠC CHÍ NHÂN NÓI THUYẾT SỐNG LÂU

(cân nhân quả)

Số trời đất, năm mươi lẻ năm.

Thành số biến hóa, mà làm quỷ thần.

(cân)

Muốn biết nhân đời trước, coi đời nay ta thọ những gì.

Muốn biết quả đời sau, xem ngay cái nhân hiện đời.

Thần nghe đó, ban cho nguồn phúc lành

Làm nhiều việc bất nghĩa, ắt phải chết non

THỰC NHỤC THUYẾT
THUYẾT ẨM THỊT

(kêu la)

(mạng)

*Trên đời muốn khỏi kiếp đao binh.
Cần phải mọi người đừng ăn thịt.*

*Dục tri thế thượng đao binh kiếp.
Đản thính đồ môn dạ bán thính!*

*Muốn biết trên đời kiếp đao binh.
Chỉ nghe tiếng rên rỉ đêm khuya nơi cửa hàng thịt!*

*Tất cả chúng sinh không nghiệp sát.
Mười phương xứ nào khỏi đao binh,
Trăm họ người người đều tu thiện,
Lo gì thiên hạ chẳng thái bình.*

ẨM THỰC NAM NỮ THUYẾT

tánh thiện chân)

(mắt

(nhiều)

*Ăn uống nơi người ngày tháng doi (dài),
Ngon dở miễn sao lấp gẻ dòi,
Nứt vô khỏi cố thành vật khác,*

Sao chẳng để lòng chín chắn coi!

*Bì bao cốt nhục tình niều phẩn,
Cượng tác kiêu nghiêu cuống hoặc nhân,
Thiên cổ anh hùng giai tọa thử,
Bách niên đồng tác nhất khanh trần.*

*Da bọc thịt xương cùng đá, phẩn,
Cưỡng làm nũng nũ khuynh gạt nhân, (người)
Nghìn thuở anh hùng đâu bị nó,
Trăm năm vùi dập dưới hầm trần!*

**THAM CHIẾT TIỀN TRÌNH THUYẾT
VÌ THAM, BỐT ĐƯỜNG TRƯỚC**

(sách trời)

*Tu phúc không tu huệ
Làm voi đeo Anh Lạc
Tu huệ không tu phúc
Chứng quả mà đoi ngặt.*

TẬP TỪ THUYẾT

(nóng giận)

(tâm nhân từ)

VI QUÂN TỬ THUYẾT

quả)

(nhân

**VI THÁNH VI PHẬT THUYẾT
LÀM THÁNH LÀM PHẬT**

*Ba người đồng đi,
Ắt có thầy ta vậy.*

(Ca Lợi Vương)

A LA HÁN THUYẾT

(Tiểu thừa)

(tự lợi)

NHỊ THIÊN NHÂN THUYẾT

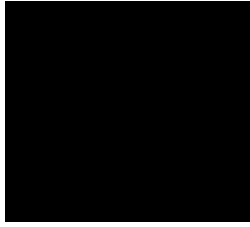
khắ)

(chiếu

TIỂU NHÂN QUẢ THUYẾT

PHẦN TỰ LUẬN

HẾT QUYỂN CHÍN



QUYỂN MƯỜI

CHỨC QUỐC HỌC TÂN SĨ

ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU SOẠN

LỜI ÔNG VƯƠNG NHẬT HỮU NÓI :

TÌNH THUYẾT

*Tâm này thanh tịnh,
tức cõi Phật tịnh vậy*

THỌ DỤNG TỨC THỊ KHÔNG

(hết)

(Vương Nhật Hưu)

LỤC CĂN THUYẾT

CHÂN TÁNH THUYẾT

PHÉ TÂM DỤNG HÌNH

(Vương Nhật Hưu)

DỤNG HÌNH HÀI THUYẾT

(thây chết).

TỀ SINH TỬ THUYẾT
DỨT SINH TỬ

NGÃ THUYẾT

(vật dục)

(chân tánh).

NAM MÔ BẢN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT
QUYỂN MƯỜI HẾT

LỜI BẠT
CHỨC THAM CHÍNH ÔNG CHÂU ĐẠI TU VIẾT
(LỜI ÔNG CHÂU ĐẠI TU)

Ông Long Thơ, Vương Nhật Hưu là người học lục thâm chí, thông hiểu sáu kinh : Luận, Mạnh, Lão, Trang, những chỗ cốt yếu của tiền nhân, ông không bỏ một lời mộ

Bất thối chuyển theo tiếng Phạm “A dung việt trí”, Kinh Pháp Hoa nói : Đức Di Lạc Bồ Tát đã chứng đặng bậc này. Nay chúng ta, nếu nhất tâm niệm Phật, được sinh về Tây phương liền đồng đức Di Lạc. Lời Phật nói không dối, ta nên tin thọ. Niên hiệu Thiệu Hưng ngày mùng 7 tháng tư nhuận, năm Nhâm Ngọ, ông Duy Tâm cư sĩ ở đất Kinh Khê, họ Châu tên Quỳ, hiệu Đại Tư viết lời bạt này.

LỜI BẠT

CHỨC TRẠNG NGUYÊN ÔNG LƯU THỊ CHẾ VIẾT

Trước nghe đức Lục Tổ cùng ông Di Sĩ Quân luận tướng trạng Tây phương, lời giản dị, ý rất rõ ràng. Đông (Ta bà), Tây (Tịnh độ) không hề xa cách, nhưng không lấy gì mô tả tướng trạng để thuật lại cho lớp sau, kịp xem văn Tịnh độ của ông Vương Nhật Huru ai dè rành rành vậy !

Số là, pháp không đốn, tiệm, nhưng căn có lợi và độn, cho nên đức Lục Tổ vì bậc người thượng trí, thuyết pháp đệ nhất nghĩa. Nên dời Tây qua Đông ở trong giây phút nói rồi tỉnh ngộ, không chờ nghĩ nghị, còn ông Vương Nhật Huru toan muốn khai ngộ cho kẻ hạ căn, luận làm bộ này, chỉ đường lối đi về Tây phương, nên lật đặt khắc bản ấn hành mà sợ hành không được rộng, cũng bởi một tâm thương người, khá gọi rằng : đã Cần lại Thiết vậy.

Có người nhân được văn ông Vương Nhật Huru mà ngộ nhập ấy đâu chẳng phải. Đặng chim bẻ ná, được cá quên (phá) nôm ư !

Niên hiệu Thiệu Hưng, năm Nhâm Ngọ tháng sáu ngày mừng sáu, ông Mộc Nạp, tên Lư Chương, biệt hiệu Lư Thị chế viết lời bạt này.

LỜI BẠT

CỦA NGÀI DIỆU HỖ TỨC NGÀI ĐẠI HUỆ THIỀN SƯ VIẾT (LỜI NGÀI ĐẠI HUỆ NÓI)

Ta (Diệu Hổ) khen chí ông Long Thơ nên đề lời bạt sau đây. Nếu bậc đã thấy tánh mình là Di Đà, tức rõ Tịnh độ tại nơi tâm, bằng người chưa đặng như thế, thời quyển văn ông Long Thơ này, công chẳng luống uổng vậy.

Năm Canh Thìn, tháng 8, ngày 20, chùa Song Kinh, ngài Diệu Hổ hiệu Tôn Hạo viết lời bạt này, tại nhà sách của Lư Cảnh Văn (xứ Trung Hoa).

LỜI MỘNG KÝ NGƯỜI LÝ THỊ Ở ĐẤT LÔ LÃNG

Người Ngạn Bất, là người con nhà họ Lý. Trong niên hiệu Càn Đạo, năm Quý Tỵ, trong nhà mắc chứng bệnh dịch. Ngày mùng 5 tháng 4, Ngạn Bất cũng bệnh, com thuốc không nạp, đến sớm mai ngày 19, nằm mộng thấy một người mặc áo rộng hình dạng thanh bai, lấy tay rờ trên mình Ngạn Bất và nói ta cho Ngạn mau mạnh. Ngạn Bất sợ nói : Ông là người nào ?

- Ta là Long Thơ.

- Tôi có bệnh dậy không nổi, có phương chi cứu tôi lành mạnh chăng ?

- Người có nhớ chàng Quan Trọng dạy người niệm Phật không ?

- Nhớ và mỗi ngày tôi vẫn tụng niệm Phật A Di Đà không thôi.

- Người dậy ăn cháo trắng, bệnh liền mạnh.

Bấy giờ Ngạn Bất thức dậy ăn cháo trắng bệnh liền mạnh. Sau thấy tượng vẽ ông Long Thơ, giống in như người thấy trong mộng, Ngạn Bất có nghe, cư sĩ là người lão thông 6 kinh, lại rành bộ kinh Dịch dạy người không mới, kẻ tới học rất đông đảo. Người Tạ Quân cất nhà Tịnh Dật cúng cho ông, kẻ lương

gia tử đệ dập đầu đây ngoài ngõ. Ngày 11 tháng giêng, Ngạn Bật cho con đến học, chẳng bao lâu về nói : Cư Sĩ đêm nay giảng sách xong, tụng kinh lễ Phật như thường, nhưng đến canh ba, niệm vài tiếng Phật thật to và nói Phật đến rước ta, nói rồi đứng qua đời !

Đêm đó người trong nước có kẻ mộng thấy 2 người mặc

Chỉ biết Cư sĩ lòng bi nguyện thâm thâm, công muốn kịp người. Tuy ở trong cõi Thường Tịch Quang, nhưng không quên niệm lực, ngài khuyến tu Tịnh độ, kết duyên thành Phật, khá chẳng gắng vó và tiến tới hay sao ?

Kính khắc tượng ngài và chép sự tích cảm ứng để rộng truyền không dám trôi lờ, vì sợ làm truyền người sau, cho nên thấy sao thuật vậy, chép đủ ra đây. Trong mong kẻ thấy người nghe kính tín, đồng nhờ lợi ích. Thần linh sáng ngổ của ông Vương, thật chứng lời này !

Ông họ Vương tên Nhật Hưu, tự Hư Trung hiệu Long Thơ Cư sĩ, năm này : ngày Hạ ngươn, đất Lô Lãng người Lý Ngạn Bất kính ghi lời bạt này.

TỰ LỢI LỢI THA

Kinh nói : Chưa dặng độ mình, trước lo độ người là Bồ Tát phát tâm. Tự giác đã viên, lại hay giác tha là Như Lai ứng thể.

Chúng ta đáng bắt chước theo chí nguyện của ngài Long Thơ Vương Nhật Hưu. Sau khi bác lăm quần thơ, để tâm qua đạo Phật, lấy việc lợi người làm nhiệm vụ mình, thật là một “Hỏa trung liên giả” hay là tức tục nhi chân cư trần bất nhiễm. Nếu thấy tánh mình là Di Đà, liền rõ nơi tâm là Tịnh độ. Bằng chưa như thế thời bộ Long Thơ Tịnh độ này giá trị càng thêm giá trị.

Thế nào tự lợi, lợi tha ? Kinh Hoa Nghiêm nói : Một tức tất cả, tất cả tức là một, thật vậy. Tất cả giữa này không có cái gì một mình nó, mà đứng vững và tồn tại, như một chén cơm ta ăn đây không phải một mình ta làm ruộng mà có cơm ăn. Lại còn nhờ người thợ rèn, rèn phản, rèn cuốc mới có thể làm ruộng được, nhưng thợ rèn không thể tự lực rèn phản, rèn cuốc đặng, lại còn phải nhờ người đi tìm mỏ sắt nữa kia v.v...

Trái lại, người làm ruộng, có cơm ăn nhưng không thể ăn cơm lạt, cần có người làm muối, nhưng người làm muối chẳng lẽ ăn muối không ! Cần phải đem đổi gạo nấu cơm ăn. Nhưng cơm ăn không lẽ đổ dưới đất ăn ! Cần phải có người làm chén, mà người làm chén, không lẽ ăn chén được, cần phải bán chén lấy tiền mua gạo nấu cơm ăn trở lại, cho đến người có tiền, cũng chẳng lẽ ăn tiền, mà cần nhất phải đem tiền mua vật này vật khác để ăn nữa.

Xem như thế thời trong vũ trụ này, từ loài người cho đến loài thảo mộc, không có một loài nào, riêng một mình mình mà được sinh trưởng và tồn tại. Ta không nên tự phụ rằng : Ta làm ta ăn không cần đến ai. Đừng nói đâu xa chính trong mâm cơm ta ăn đây thì biết, bao nhiêu công nghệ của bao nhiêu người rồi ! Đức Phật dạy chúng Tăng khi ăn cơm phải tưởng phép “Tam Đề, Ngũ Quán” là nghĩa này. Khi sắp ăn, trước cúng dường mười phương Phật, cầu nguyện cho thí chủ, sau “Xuất sinh” (thí) cho quỷ thần ăn no đủ. Là không

quên nghĩa tự lợi, lợi tha, và biết ơn tất cả. Chẳng những ở gần bên cạnh mà người ở đâu đâu, bấy lâu ta không quen biết, cũng đều là ân nhân với ta cả.

Ví như ta đau, tiêm một mũi thuốc, chẳng những ơn một ông thầy thuốc tiêm cho ta, mà là biết ơn bao nhiêu tất cả bậc tiền nhân đã có công lao chế tạo và làm sách để lại. Ta quán được như thế, thì tất cả đồng bào là ruột thịt, tương thân, tương ái. Khi ta ra đi, thấy tất cả người làm công này nghề khác. Người làm việc người, tức là làm việc cho ta. Ta làm việc ta, tức là làm việc cho người, vì rằng : Làm riêng mà ăn chung vậy.

Bộ Long Thư Tịnh độ này từ đầu chí cuối, chỉ mục đích tự lợi, lợi tha. Ông Vương Nhật Hưu sau khi thi đậu Tấn sĩ xem qua giáo lý Phật Đà cao thượng mà phát tâm, chớ không phải là kẻ “chán đời” và đem món thuốc cam lồ của đạo Phật giúp ích một phần trị an cho hội, chớ không phải ký sinh trùng. Như trong bộ sách này đã nói : Đạo Phật không khác như đạo Nho.

Đạo Nho dạy phép Tam cương, Ngũ thường, cũng như đạo Phật dạy tín đồ phép Tam quy, Ngũ giới đều là chủ nghĩa giúp ích nhân quần xã hội tự lợi lợi tha cả.

Vậy rất mong quý đạo hữu đồng tu, đồng học gắng tìm xem đạo lý, giáo lý Phật Đà cho chín chắn, hầu mong cải tạo thế giới bất lương, thường niệm Phật A Di Đà, để sửa chữa cho được một tâm hồn trong sạch. Giúp đỡ và đoàn kết tương thân liên ái,

con thảo cha lành, hòa thuận yêu thương, đừng đánh đập nhau, đừng hà hiếp nhau, mạnh được yếu thua và nguyện cùng nhau thoát ly sinh tử và nguyện đồng cùng nhau sinh lên cõi Tịnh độ một nhà, khá vậy.

KẾT LUẬN

(tiên tiên vô thử, hậu hậu vô chung)

**NAM MÔ BẢN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT
HẾT**



MUỘI CÔNG ĐỨC ẤN TỔNG KINH SÁCH, TƯỢNG PHẬT

blt lự, nh(ng tli l3i #N t¹ t8 tr-íc, nh. th5 #-Wc ti^au tr8, n?ng th5 chuy0n thụn nh./

Tai lự, th-êng #-Wc c%c thi*n thÇn 4ng hI, tr%nh #-Wc tÊt c¶ tai -Qng h¹n n¹n, En dXch, n-íc, lca, trI¹ c-íp, #a 9inh ng" c td/

Ba lự,)1nh)ien tr%nh khFi nh(ng Vu¶ 9% phi\$ n khL, %n c8u an tr%i c4a #êi tr-íc cfng nh- #êi nuy/

B-n lự, c%c)X hI ph%p thi*n thÇn th-êng gia hI n^an nh(ng l ùi d¹ x a %c Vug, rSn #I c hd¹ 9h tr%nh xa khEng d%¹ hN¹ hNi/

G>¹ lự, tM¹ #-Wc an)ui, nguy khEng g?p)i*c nguy kh-n, #^a ng4 khEng thÊy %c¹ Ing/ Bi*n¹ ' 1 hi\$ n :%ng, ' 1nh khFh an lựnh,)i*c lự¹ thuËn lWi, #-Wc k2t Vu¶ t-t/

i%u lự, chý thụn hI ph%p, tM¹ khEng cÇu lWi, t+ nhi^an y ph" c #Çy #4, gia #5nh hKa thuËn, ph7c lI c #êi #êi/

B¶y lự, lêi n&i)i*c lự¹ trêi ng-êi h an hg, #2n #Mu cfng #-Wc¹ , i ng-êi kÿnh¹ 2n ngWi khhn/

J%¹ lự, ngu chuy0n thụn trÝ, 9*n h lựnh¹ ' 1nh khFh, kh-n nghj chuy\$ n thụn thXnh #1t/ Ghự¹ ch%n n(thMn, ' *nh chung li\$ n #-Wc na¹ thMn/

Rhÿn lự,)1nh)ien xa l5a #-êng %c, :inh)µ cki thi*n, t-íng¹ ' 1 # an nghi^a, tM¹ trÝ :i^au)i*t, ph7c lI c trKn #Çy/

b-êi lư, hay)5 tÊt c¶ ch7ng :inh tr=ng c% c>n lưnh/ 6Êy
 tM' cÇu c4a ch7ng :inh lư' ru l ng ph7c #i\$ n ch ' 5nh/ Ghê
 cEng #; c Êy #1t #-Wc)E l-Wng ph7c Vu¶ thđ thSng/ i inh ra
 nQi nư cfng #-Wc thÊy DhËt, nghh Dh%p ph7c hu* r l ng lín,
 ch; ng #1t l" c thEng, : í' thựnh DhËt Vu¶/

ẤN QUANG ĐẠI SƯ DẠY

Ấn t-ng kinh, t-Wng DhËt #-Wc cEng #; c thđ thSng nh-
)Êy, n^an g?p khi ch7c th,, thựnh hEn, cÇu ph7c, th %t n¹n,
 :%' h-i, cÇu ti^au tr8 tÊt 9*nh, cÇu :i^au #l h-Qng linh, hNy
 tinh tÊn ph%t tM' B= C\$ Ên t-ng, #0 tr=ng c l i ph7c #; c ch
 chÝnh ' 5nh)μ thMn 9<ng Vuy2n thul c/

